

LỜI VÀNG
ẤN QUANG ĐẠI SƯ GIA NGÔN LỤC
Từ Hoa Nhất Tuệ Tâm
Phiên dịch & thi kệ toát yếu 2015

Lời tựa của Ấn Quang Đại Sư

Phần I

Thay lời tựa

Đại sư Ấn Quang nói: “Kẻ câu nệ vào Tích môn thì bảo: “Trong tất cả pháp, mỗi pháp đều sai khác”. Kẻ khéo nhìn sẽ nói: “Trong tất cả pháp, pháp pháp đều viên thông”. Như bốn cửa thành, gần cửa nào thời vào cửa ấy. Cửa tuy khác nhau, nhưng đều đưa vào một thành chẳng khác. Nếu biết ý này thì chẳng phải chỉ có những giáo lý rất sâu do chư Phật, chư Tổ đã nói mới là pháp để quy chân đạt bản, minh tâm kiến tánh, mà hết thảy Âm, Nhập, Xứ, Giới, Đại v.v... trong khắp thế gian cũng đều là pháp để quy chân đạt bản, minh tâm kiến tánh! Mỗi một pháp cũng chính là chân, là bản, là tâm, là tánh!”.[1]

Tập Lời Vàng (Gia Ngôn Lục) dù là toát yếu nhưng với một kẻ hậu học như tôi thì lại tự thấy mỗi mỗi câu nói của Đại Sư Ấn Quang đều bao hàm ý pháp, chỗ nào cũng cần phải học, chẳng thể đọc lướt qua nên phải dịch thuật đến ngàn ngàn câu kệ, hầu mong chuyển đạt lời lời ân cần tha thiết của Đại sư; chỉ đề lại phần nói về các chính biến tại Trung Hoa, và những câu nói lập lại từ các bài giảng của Đại sư qua nhiều địa điểm khác nhau.

Theo lời đã dẫn chứng trên mà nếu vẫn còn có người cho rằng vì Đại sư thuộc tông Tịnh độ nên hết lòng xiển dương cho tông phái của mình, thì người ấy quả thật sai lầm lớn vậy.

Núi Bắc, tháng 6 năm 2015
Từ Hoa Nhất Tuệ Tâm

Lời tựa của Ấn Quang Đại Sư:

Lý Tịnh Độ vốn cực kỳ thâm áo
Sự hành trì lại giản dị, bình dân
Kẻ tự nhận mình mẫn tuệ, đa văn
Vướng tri kiến thế gian[2], liền khinh miệt
Xem thường pháp môn cao sâu, diệu tuyệt
Tưởng dành cho kẻ già cả, muội mông
Có hay đâu tánh Tịnh Độ viên thông
Mười pháp giới [3], trên tự thành Phật quả
Dưới vì chúng sinh phát tâm phổ hóa
Căn bản và hậu đắc, trọn thủy chung [4]
Bởi thấy người chẳng màng thế trí biện thông [5]
Tín, Hạnh, Nguyên tu trì nên khinh bạc.
Sao chẳng rõ?
Pháp hội Hoa Nghiêm hằng sa Bồ tát
Tâm vô biên như đại hạnh Phổ Hiền
Phát mười đại nguyện hồi hướng Tây thiên
Nơi đất Phật sẽ viên thành quả Phật.
Nay lớn tiếng dèm pha, a dua bài bác
Hắn chưa từng biết đến chỗ quy tông

Hẳn chưa từng thấu suốt chữ sắc, không
 Mang tâm loạn chấp pháp môn cao, thấp.
 Không xét tận tường trí phạm và Phật lực
 Không biết tùy phương tiện ứng cơ duyên
 Nếu rõ ràng học hải hội Hoa Nghiêm
 Đâu chẳng vội quy tâm cầu Cực Lạc?.
 Ấn Quang [6] tôi, tự thuở còn búi tóc
 Cũng nhiễm theo khí độc của Hàn, Chu [7]
 Tài vụng thô nên thoát chốn ao tù
 Khéo biện bạch ắt tự làm mình vạy
 Lại thêm nổi buộc người trong tà vạy.
 Tuổi mười lăm, thân nhuốm bệnh bao thu
 Tỉnh hẳn người, chiêm nghiệm thuyết Trình, Âu [8]
 Mới phát hiện chỉ quán quanh thế trí.
 Khác chi kẻ lân la ngoài cửa ngõ [9]
 Chưa một lần vào được tận trong nhà [10]
 Thì làm sao thấy rõ nẻo cao xa [11]
 Sự thâm thúy cũng chưa từng học hỏi.
 Ấn Quang tôi,
 Xuất gia lúc vừa ngoài hai mươi tuổi [12]
 Nguyên chuyên tu tịnh nghiệp trọn đời mình
 Không lập môn đình, chẳng nhận môn sinh
 Nào ngờ được cháu con làm bại hoại [13].
 Duyên đưa đẩy gặp người cầu học hỏi [14]
 Liên bảo người: “Trước hãy gắng dụng công
 Niệm Phật danh khiến tiêu nghiệp, tuệ thông
 Gây tạo phước, rồi phát huy Phật pháp.
 Đến lúc ấy,
 Bầu vũ trụ pháp ý truyền rao khắp”.
 Đạo Như Lai, Giới-Định-Tuệ đó thôi
 Tận tâm tu trì, tận lực vun bồi
 Chỗ huyền nhiệm tại chỗ thô sơ ấy.
 Nếu chẳng vậy,
 Chỉ trên đầu lưỡi lời lời tuôn chảy
 Việc tử sinh há dùng được mấy may?
 56. Chớ phân biệt quê mùa hay trí thức.

Chú thích:

[1] Trích Lời Tựa, Ấn Quang Gia Ngôn Lục, dựa vào các bản in của Tô Châu Hoành Hóa Xã và Phật Quang Viện.

[2] Chấp vào Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức.

[3] Phật, Bồ tát, Duyên Giác, Thanh văn, Trời, Người, A tu la, Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh.

[4] Chỉ cho Căn Bản Trí và Hậu Đắc Trí.

[5] Suy nghĩ lành lợi theo cái thấy biết của thế gian

[6] Ngài Ấn Quang tên là Thánh Lượng, biệt hiệu Thường Tàm. Ấn Quang Đại Sư sanh vào cuối đời nhà Thanh, bước qua kỷ nguyên Dân Quốc. Ngài họ Triệu ở đất Hiệp Tây. Mãi đến năm ngài được

59 tuổi, ngài mới bắt đầu thọ nhận đệ tử. Số đệ tử tại gia của ngài lên đến hơn 300 ngàn, bao gồm từ hàng quyền quý giàu sang, danh nhơn, học sĩ cho đến thường dân. Ngài dạy: “Pháp môn Tịnh Độ là do Phật Thích Ca và A Di Đà kiến lập. Các vị Bồ Tát Văn Thù và Phổ Hiền hướng dẫn và duy trì. Đức Mã Minh và Long Thọ hoằng dương. Các Tổ Huệ Viễn, Thiên Thai, Thanh Lương, Vĩnh Minh, Liên Trì, Ngẫu Ích xướng đạo cùng tiếp phần giáo hóa. Vì thế nên nay khuyên khắp các hàng Thánh, Trí, Phàm, Ngũ đồng nên tu hành vậy.

[7] Hàn Dũ, bài bác Phật pháp.

[8] Họ Trình và Âu Dương Tu, bài bác Phật pháp

[9] Người cùng tử, phẩm Tín Giải, kinh Pháp Hoa.

[10] Nhà vị trưởng giả, phẩm Tín Giải, kinh Pháp Hoa.

[11] Chỉ cho Phật thừa. Kinh Pháp Hoa phá truyền hiển thực, đưa tam thừa (Thanh văn, Duyên Giác, Bồ Tát) về nhất thừa là Phật thừa.

[12] Nhược quan: Lễ đội mũ cho thanh niên 20 tuổi, cho là trưởng thành

[13] Chỉ những người chấp chặt pháp môn mình ưa thích, không biết xúng tánh, tùy cơ.

[14] Cư sĩ họ Lý. Vị này nghe dạy nhưng không tin theo, sau nhiều năm trải bao thăng trầm mới hiểu lời Đại Sư Ấn Quang chân thực.

LỜI VÀNG
ẤN QUANG ĐẠI SƯ GIA NGÔN LỤC
Từ Hoa Nhất Tuệ Tâm
Phiên dịch & thi kệ toát yếu 2015

Lời tựa của Ấn Quang Đại Sư

Phần I

Thay lời tựa

Đại sư Ấn Quang nói: “Kẻ câu nệ vào Tích môn thì bảo: “Trong tất cả pháp, mỗi pháp đều sai khác”. Kẻ khéo nhìn sẽ nói: “Trong tất cả pháp, pháp pháp đều viên thông”. Như bốn cửa thành, gần cửa nào thời vào cửa ấy. Cửa tuy khác nhau, nhưng đều đưa vào một thành chẳng khác. Nếu biết ý này thì chẳng phải chỉ có những giáo lý rất sâu do chư Phật, chư Tổ đã nói mới là pháp để quy chân đạt bản, minh tâm kiến tánh, mà hết thảy Âm, Nhập, Xứ, Giới, Đại v.v... trong khắp thế gian cũng đều là pháp để quy chân đạt bản, minh tâm kiến tánh! Mỗi một pháp cũng chính là chân, là bản, là tâm, là tánh!”. [1]

Tập Lời Vàng (Gia Ngôn Lục) dù là toát yếu nhưng với một kẻ hậu học như tôi thì lại tự thấy mỗi mỗi câu nói của Đại Sư Ấn Quang đều bao hàm ý pháp, chỗ nào cũng cần phải học, chẳng thể đọc lướt qua nên phải dịch thuật đến ngàn ngàn câu kệ, hầu mong chuyển đạt lời lời ân cần tha thiết của Đại sư; chỉ để lại phần nói về các chính biên tại Trung Hoa, và những câu nói lập lại từ các bài giảng của Đại

sư qua nhiều địa điểm khác nhau.

Theo lời đã dẫn chứng trên mà nếu vẫn còn có người cho rằng vì Đại sư thuộc tông Tịnh độ nên hết lòng xiển dương cho tông phái của mình, thì người ấy quả thật sai lầm lớn vậy.

Núi Bắc, tháng 6 năm 2015
Từ Hoa Nhất Tuệ Tâm

Lời tựa của Ấn Quang Đại Sư:

Lý Tịnh Độ vốn cực kỳ thâm áo
Sự hành trì lại giản dị, bình dân
Kẻ tự nhận mình mẫn tuệ, đa văn
Vướng tri kiến thế gian[2], liền khinh miệt
Xem thường pháp môn cao sâu, diệu tuyệt
Tưởng dành cho kẻ già cả, muội mông
Có hay đâu tánh Tịnh Độ viên thông
Mười pháp giới [3], trên tự thành Phật quả
Dưới vì chúng sinh phát tâm phổ hóa
Căn bản và hậu đắc, trọn thủy chung [4]
Bởi thấy người chẳng màng thế trí biện thông [5]
Tín, Hạnh, Nguyên tu trì nên khinh bạc.
Sao chẳng rõ?
Pháp hội Hoa Nghiêm hằng sa Bồ tát
Tâm vô biên như đại hạnh Phổ Hiền
Phát mười đại nguyện hồi hướng Tây thiên
Nơi đất Phật sẽ viên thành quả Phật.
Nay lớn tiếng dèm pha, a dua bài bác
Hắn chưa từng biết đến chỗ quy tông
Hắn chưa từng thấu suốt chữ sắc, không
Mang tâm loạn chấp pháp môn cao, thấp.
Không xét tận tường trí phàm và Phật lực
Không biết tùy phương tiện ứng cơ duyên
Nếu rõ ràng học hải hội Hoa Nghiêm
Đâu chẳng vội quy tâm cầu Cực Lạc?.
Ấn Quang [6] tôi, tự thủa còn búi tóc
Cũng nhiễm theo khí độc của Hàn, Chu [7]
Tài vụng thô nên thoát chốn ao tù
Khéo biện bạch ắt tự làm mình vậy
Lại thêm nổi buộc người trong tà vậy.
Tuổi mười lăm, thân nhuốm bệnh bao thu

Tĩnh hản người, chiêm nghiệm thuyết Trình, Âu [8]
Mới phát hiện chỉ quán quanh thế trí.
Khác chi kẻ lân la ngoài cửa ngõ [9]
Chưa một lần vào được tận trong nhà [10]
Thì làm sao thấy rõ nẻo cao xa [11]
Sự thâm thúy cũng chưa từng học hỏi.
Ấn Quang tôi,
Xuất gia lúc vừa ngoài hai mươi tuổi [12]
Nguyện chuyên tu tịnh nghiệp trọn đời mình
Không lập môn đình, chẳng nhận môn sinh
Nào ngờ được cháu con làm bại hoại [13].
Duyên đưa đẩy gặp người cầu học hỏi [14]
Liên bảo người: “Trước hãy gắng dụng công
Niệm Phật danh khiến tiêu nghiệp, tuệ thông
Gây tạo phước, rồi phát huy Phật pháp.
Đến lúc ấy,
Bầu vũ trụ pháp ý truyền rao khắp”.
Đạo Như Lai, Giới-Định-Tuệ đó thôi
Tận tâm tu trì, tận lực vun bồi
Chỗ huyền nhiệm tại chỗ thô sơ ấy.
Nếu chẳng vậy,
Chỉ trên đầu lưỡi lời lời tuôn chảy
Việc tử sinh há dùng được mảy may?
56. Chớ phân biệt quê mùa hay trí thức.

Chú thích:

[1] Trích Lời Tựa, Ấn Quang Gia Ngôn Lục, dựa vào các bản in của Tô Châu Hoàn H hóa Xã và Phật Quang Viện.

[2] Cháp vào Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức.

[3] Phật, Bồ tát, Duyên Giác, Thanh văn, Trời, Người, A tu la, Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh.

[4] Chỉ cho Căn Bản Trí và Hậu Đắc Trí.

[5] Suy nghĩ lanh lợi theo cái thấy biết của thế gian

[6] Ngài Ấn Quang tên là Thánh Lượng, biệt hiệu Thường Tàm. Ấn Quang Đại Sư sanh vào cuối đời nhà Thanh, bước qua kỷ nguyên Dân Quốc. Ngài họ Triệu ở đất Hiệp Tây. Mãi đến năm ngài được 59 tuổi, ngài mới bắt đầu thọ nhận đệ tử. Số đệ tử tại gia của ngài lên đến hơn 300 ngàn, bao gồm từ hàng quyền quý giàu

sang, danh nhơn, học sĩ cho đến thường dân. Ngài dạy: “Pháp môn Tịnh Độ là do Phật Thích Ca và A Di Đà kiến lập. Các vị Bồ Tát Văn Thù và Phổ Hiền hướng dẫn và duy trì. Đức Mã Minh và Long Thọ hoằng dương. Các Tổ Huệ Viễn, Thiên Thai, Thanh Lương, Vĩnh Minh, Liên Trì, Ngẫu Ích xướng đạo cùng tiếp phần giáo hóa. Vì thế nên nay khuyên khắp các hàng Thánh, Trí, Phàm, Ngu đồng nên tu hành vậy.

[7] Hàn Dũ, bài bác Phật pháp.

[8] Họ Trình và Âu Dương Tu, bài bác Phật pháp

[9] Người cùng tử, phẩm Tín Giải, kinh Pháp Hoa.

[10] Nhà vị trưởng giả, phẩm Tín Giải, kinh Pháp Hoa.

[11] Chỉ cho Phật thừa. Kinh Pháp Hoa phá truyền hiền thực, đưa tam thừa (Thanh văn, Duyên Giác, Bồ Tát) về nhất thừa là Phật thừa.

[12] Nhược quan: Lễ đội mũ cho thanh niên 20 tuổi, cho là trưởng thành

[13] Chỉ những người chấp chặt pháp môn mình ưa thích, không biết xứng tánh, tùy cơ.

[14] Cư sĩ họ Lý. Vị này nghe dạy nhưng không tin theo, sau nhiều năm trải bao thăng trầm mới hiểu lời Đại Sư Ấn Quang chân thực.

LỜI VÀNG
ẤN QUANG ĐẠI SƯ GIA NGÔN LỤC
Từ Hoa Nhất Tuệ Tâm
Phiên dịch & thi kệ toát yếu 2015

Ấn Quang Gia Ngôn Lục - Phần II

CHƯƠNG II.
Chỉ Dạy Phương Pháp Tu Trì

Khuyên đầy đủ Tín, Nguyện

1027. Dù tinh tấn tu trì ngũ giới và thập thiện
Vui thú cõi trời, người, chính là gốc rễ đọa sa
Dù phiền não thiên cung không sâu đậm tựa Sa Bà
Khi phước tận dù là thần tiên cũng đọa.

Vì từng tạo phước nên theo nhân hưởng quả

Tạo phước thì tạo nghiệp cũng dễ thôi

Tạo nghiệp rồi, trong nháy mắt đọa luân hồi
Một hơi thở, lãnh thọ thân cõi dữ.

Nên người xưa nói,

Kẻ tu hành không giữ gìn chánh niệm
Không khéo vun trồng Tịnh nghiệp sáu thời

Vì có tu nên được phước trời, người

Phước báu ấy chẳng khác nào oán địch
Tam giới bất an tựa như hỏa trạch [1]

Người khôn ngoan phải cầu chỗ xuất sanh

Nếu không Tín Nguyên mà chỉ niệm Phật danh
Hạnh xưng niệm đó chỉ là tự lực
Vì không tin, không nguyện nên không cảm ứng
Không cùng nguyện lực Di Đà kết mối đạo giao
Nếu đã dứt Kiền, Tư Hoặc thì có thể bay cao
Nếu chưa đoạn Hoặc, nghiệp căn còn đó
Chuyện Thảo Đường Thanh và Giới Diễn Ngũ Tổ
Là những chứng nhân xác thực đã đành
Phải biết rằng không đủ Tín Nguyên mà được vãng sanh
Thì nhân niệm Phật và quả vãng sanh không cân xứng
Đại sư Ngẫu Ích [2] nói,
“Vãng sinh, không vãng sinh, đều do tín nguyện lực
Phẩm vị thấp, cao, bởi trì danh cạn hay sâu”.
Nếu ngày ngày không lo lập tín nguyện khẩn cầu
Lúc bỏ xác khó nương vào Phật lực
Dù cho miệng niệm A Di Đà Phật
Lòng không tin, không ước nguyện vãng sinh

Bởi không cầu, không hết dạ kính tin

Nên không cảm Phật Di Đà tiếp dẫn

Trong khi trăm mối nặng nề, tâm nghiêng ngã

Lúc lâm chung nghiệp thiện ác hiện ra
Nếu không nương vào nguyện lực Phật Di Đà
Ác nghiệp kéo liền đi theo ác nghiệp
Không Tín, Nguyên, dù nhất tâm xưng niệm
Trong vô số người chỉ có được một, hai
Nghiệp tận tình không, chứng được vô sinh
Trong thế giới, chẳng bao người thực hiện
Nếu cậy vào tự lực, bỏ qua Tín Nguyên
Kẻ bình thường chẳng biết nẻo thoát ra
Dù là vua cõi trời với thiên quốc, long xa
Hoặc tăng sĩ đắc tổng trì [3] đại pháp
Nghe một ngộ ngàn, nổi danh cùng khắp
Tâm thờ ơ cõi trần không muốn thọ thân
Nếu được vậy thì mới mong chiêu cảm đức ân
Và đại nguyện Phật Di Đà nhiếp thọ
Sen báu chín tầng nở hoa Tịnh độ
Vĩnh viễn thoát vòng sinh tử, chuyển luân
Chẳng những người phàm mà ngay cả tứ thánh nhân[4]
Nếu không hướng Đại [5] thì cũng không thể đến
Cảm ứng thánh phàm do nơi Tín, Nguyên
Dù đã tu tinh tấn hạnh trì danh

Nếu không kính tin, lập nguyện thì không thể vãng sanh

Nên Tín, Nguyện, chính là điều khẩn yếu

Đủ Tín-Nguyện-Hạnh muôn người tu, muôn người đến.[6]

Việc thiện đã làm nên hồi hướng Tây phương

Nếu như mong cầu phước báo cõi thế gian

Tâm đôi ngã càng khó về Tịnh độ

Người chánh chân niệm Phật không cầu hưởng thọ

Nhưng tự nhiên được quả báo thế trần

Người tịnh tu luôn tha thiết, chuyên cần

Nương Phật lực tránh binh đao, lửa, nước

Trừ phi nghiệp tạo gây tử thuở trước

Quả báo tử trầm trọng hóa nhẹ nhàng

Nên hiện đời tai họa gặp giữa đường

Phật liền từ mắt đưa tay tiếp dẫn

Chưa chứng tam muội đã vào trong dòng thánh

Cõi thế mông lung mấy kẻ được vậy chăng?

1100. Lập nguyện thoát Sa Bà như nguyện của tù nhân

Luôn mong mỏi về cố hương là Tịnh độ.

Nay được thân người, sinh nơi trung thổ [7]

Mau tìm lên núi báu nhận Ma ni

Bởi chúng sinh còn Hoặc Nghiệp[8], mãi đến rồi đi

Nên Phật dạy hãy cầu về Lạc quốc

Ngay trong tất cả việc lập công, lập đức

Việc giữ gìn giới hạnh cả một đời

Không nương vào đó để cầu trường thọ an vui

Hãy hồi hướng về Tây phương Cực Lạc

Tức phù hợp với nguyện sâu của Phật

Ví như người sóng vùi dập lênh dênh

Chiếc thuyền từ đã đến, nếu bước lên

Nương thuyền Phật mà vượt qua bể khổ

Chớ cầu phước báo nhân thiên mà bỏ lỡ

Cơ hội ngàn năm thoát cõi trầm luân

Khi phước báo cạn rồi ai biết trước chỗ thọ thân

Là nơi địa ngục? Súc sanh? Ngạ quỷ?

Nếu biết dùng Diệu Trí [9] tức đưa về Diệu Vị [10]

Dùng trí sai lầm như lấy ngọc ném chim con

Sao gọi là hành động của người khôn

Hãy cẩn trọng! Xin hãy nên cẩn trọng!

Không tin theo Tịnh môn mà toan trừ vọng

Dù là người lãnh thọ chỗ chân truyền

Từ các pháp môn Giáo, Mật, Luật, Thiền

Cũng không dễ được liễu sinh thoát tử.

Huống chi chỗ thâm huyền mấy ai đại ngộ
Nếu đại ngộ rồi, có thực chứng hay không?
Chỉ ngộ mà chưa chứng đạo thậm thâm
Thì chưa thể thoát ngoài vòng sinh diệt.
Kẻ học đạo dùng Thức mà nhận biết
Cũng đừng quên phải đoạn Hoặc, chứng Chân
Riêng Tịnh môn lấy Phật lực làm nhân
Tín-Hạnh-Nguyện xuôi thuyền qua bể ngạn.
Người thuần thành và cả người ngũ nghịch
Trọn tác lòng sám hối niệm Phật danh
Lúc lâm chung quyết định được vãng sanh
Cho nên nói là mang theo nghiệp cũ.
Trong ba cõi, thọ sinh rồi thọ tử
Phước báo nhân thiên cũng có lúc cạn cùng
Gốc tử sinh lắm mờ mịt, mông lung
Chưa chứng đạo mà tử ma [11] đã gọi
Mâm mống chột diệt, chột sinh, vẫn đang tiếp nối
Nương Tịnh môn cảm ứng sẽ song đôi
Dù tâm chưa hoàn toàn thanh tịnh, an vui
Vẫn được Phật đưa tay ra hóa độ
Chớ nghe lối luận bàn mong bác bỏ
Dọa nạt người phải đến chỗ Nhất Tâm
Nhất Tâm ở đây là Tín-Hạnh-Nguyện hòa chung
Chớ không phải “vô tâm, vô nhất vật” [12]

Ví nước hồ thu chưa hề dừng tánh động

Nếu gió không lồng lộng trận phong ba

Trên mặt hồ vẫn hiện bóng trăng ngà

Hãy suy nghĩ đến tận tường nghĩa ấy.

Đời mật pháp, đây là nơi nương cậy

Hợp căn cơ của tất cả người tu

Nếu đã rõ thông Năng, Sở mặc dù

Đều vẫn phải vào tận nơi Thực Chứng.

Nếu không Tín Nguyện vãng sinh, chỉ tự hào, tự lực

Đường gian nan, thật khó thể vượt qua

Nghe luận bàn của các vị Thiền gia

Quy Tịnh độ vào Thiền tông mà bỏ quên Tín Nguyện

Nếu theo đó hành trì, may ra khai ngộ

Cầu thoát ly ba cõi há dễ làm?

Lại toan mang Phật và cõi Phật quy kết vào tâm

Hiểu sai nghĩa Tịnh tâm là Tịnh độ!

Thương cho kẻ hồ đồ vì chẳng rõ

Ấn Quang tôi khuyên người học Tịnh tông

Chớ nên dùng lời khai thị của Thiền tông
Mà áp đặt thay thế cho Tịnh lý
1170. Bởi tông chỉ và pháp môn có đồng, có dị.

(Hết chương I)

CHƯƠNG II

Chỉ Dạy Phương Pháp Tu Trì Giảng về phương pháp niệm Phật

Pháp niệm Phật, Tín-Hạnh-Nguyện là tông yếu
Nếu thiếu một trong ba điều chẳng thể vãng sanh
Chữ Hạnh là chánh hạnh niệm Phật danh
Tùy theo sức mỗi người mà lập hạnh.
Nếu không vướng bận gia cư, thường nhàn nhã
Đi, đứng, ngồi, nằm, nói, nín, thấy trì danh
Mọi thời, mọi chỗ, Phật hiệu chẳng rời tâm
Lúc tề chỉnh, niệm thầm hay thành tiếng
Lúc tản gọi hoặc ngay khi tiểu tiện
Không thanh tao nên chỉ được niệm thầm

Dù là không lớn tiếng giống thanh âm

Công đức niệm Phật đều không có khác

Chớ bảo rằng,

“Không thể niệm khi đến nơi dơ bẩn”.

Nằm trên giường cũng có thể niệm thầm

Lập hạnh thì thiết yếu phải chuyên tâm
Phải biết sợ phiêu bồng theo gió nghiệp
Ác nghiệp nào khiến đời đời xoay chuyển?
Phước báo nào khiến nghe được Phật danh?
Khó nhiếp tâm thì hãy khẩn thiết, chân thành

Tâm sẽ tự quy về chung một mối.

Bởi không chí thành nên lòng dong ruỗi
Nếu thành tâm mà chưa thể nhất như

Hãy lắng nghe tiếng mình niệm giữa không hư

Chỉ tiếng niệm, ngoài ra không tiếng khác
Mỗi tiếng niệm đều phải từ tâm khởi

Dù niệm thầm, tâm phải biết rõ ràng

Phải nhận ra từng chữ rất phân minh

Được như vậy, vọng dần dần tự dứt
Nếu vọng niệm vẫn dâng trào hùng hực

Thì nên dùng ký số, nhớ từng câu

Dùng toàn tâm toàn lực mỗi đầu câu

Vọng muốn khởi cũng khó mà dấy khởi

Phương cách nhiếp tâm trước kia chưa từng nói
Bởi căn tánh người xưa thuần thực dễ dàng
Tâm Ấn Quang tôi khó điều phục ngổn ngang
Nên mới phải nghĩ suy mà lo liệu
Dùng ký số, mỗi mười câu Phật hiệu
Hơi thở nhẹ nhàng, tiếng niệm phân minh

Niệm dứt mười câu thì niệm lại như trên

Mỗi lần mười niệm, chớ nên dang dỡ

Chớ lẩn chuối, nên dùng tâm ghi nhớ

Khó nhớ cả mười thì gắng nhớ ba, năm

Tu tập lâu ngày sẽ đến chỗ nhất tâm
Nhất Tâm Bất Loạn tức là không tạp niệm
Một lần hoặc ngàn lần đều thâm đếm

Niệm nhanh hay niệm chậm chẳng hề chi

Niệm sáng hoặc trưa, chiều hoặc tối tùy nghi
Trừ vọng khởi và an nhàn tâm trí
Nếu làm việc phải phân tâm suy nghĩ

Vẫn niệm thâm, không nhớ số chẳng sao

Việc dễ dàng hay khó nhọc bao lâu

Khi xong việc lại nhiếp tâm như trước.
Bồ tát Đại Thế Chí dạy rằng: “Sáu căn sáu thức
Tịnh tâm mà niệm Phật chẳng luận suy
Đắc tam muội, chánh định, đẳng trì”.[13]
Pháp niệm Phật là pháp môn bậc nhất
Bởi bảo phạm phu nhiếp căn, trần, thức

Phải đâu là một việc quá dễ dàng

Như việc niệm Phật danh bất kể thời gian
Khấp chồn chồn nơi nơi đều thư thái
Niệm Phật có cạn sâu, có Tiểu và có Đại
Nên kính tin lời Phật, chớ hoài nghi

Chỉ nên lẩn chuối lúc đứng hoặc lúc đi

Nếu tay lay động lúc ngồi dưỡng thần an tĩnh

Thân tâm không yên, lâu dần thành bệnh.

Hãy niệm khít khao khiến Tâm, Phật không hai

Phật là tâm, tâm là Phật tất cả thời

Lúc ăn nói, đứng ngồi đều thuần thiện

Khi tâm không vọng, tâm này Phật hiện

Sẽ chứng liền tam muội tại đời này

Lúc lâm chung thượng thượng phẩm liên đài

Có thể nói: Sự hành trì đà cùng tận.

Lúc nhiều Phật, Đông sang Nam, Tây sang Bắc

Đó gọi là pháp tùy hỷ, thuận tùng

Đi nhiều xong, quỳ niệm Phật mười lần

Dù là vậy, cũng tùy theo phương tiện.

Dù niệm tại tâm, chớ bỏ luôn niệm miệng

Bởi thân và khẩu ý hỗ trợ nhau

Nếu cả ba đồng quy kính, ích lợi sâu

Tiếng khẩu niệm khiến tai nghe, lòng hoan hỷ

Đó là giúp kẻ nhiều hôn trầm, giải đãi.

Hóa thân A Di Đà là Thiện Đạo Đại Sư [14]

Đại lực thần thông, trí tuệ có dư

Nhưng chỉ nói với thế gian những điều giản dị

Hai đường lối tu trì [15] không văn hoa, huyền bí

Chủ yếu giúp chúng sinh thấy rõ việc thực hành

Chuyên tu là thân lễ, ý niệm, khẩu xưng danh

Tập tu tức thêm một hoặc nhiều môn khác

Dù hồi hướng vãng sanh nhưng tâm không thuần nhất

Trong trăm người chỉ được một hoặc hai

Lời đại sư chân thực, chớ bỏ ngoài tai

Từ kim khẩu chỉ thẳng đường tận thiện.

Nay lại nói đến người viết văn lập nguyện

Lời văn tuy hùng tráng, ý cao thâm

Nhưng lời này phải phát xuất tự tâm

Thì mới được gọi đó là lập nguyện.

Hồi hướng tức mang tín nguyện ra mà thể hiện

Chỉ nên đọc lời này khi hoàn tất công phu.

1270. Tất cả việc thiện trong ngày nhỏ bé mặc dù

Đều là trợ hạnh vãng sanh Lạc quốc

Ví như gom nhiều hạt bụi thì thành đóm đất

Đại dương kia chứa nước của muôn sông

Ai là người lượng được chỗ tận cùng

Nếu phát Bồ đề tâm [16] vì chúng sinh mà hóa độ.

Hồi hướng công phu về khắp bốn ân[17], ba cõi
Như lửa thêm dầu, như lúa mạ gặp mưa rào
Kết pháp duyên không phân biệt ngọc đá, vàng thau
Thì đại hạnh Đại Thừa càng thù thắng
Nếu chẳng vậy,
Lại không khác người lòng thô, trí cạn
Như Nhị Thừa, dù lập hạnh gian lao
Cũng chỉ chiêu lấy quả vị không cao.
Hãy tìm đọc,
Tịnh Độ Văn do Đại Sư Liên Trì [18] biên soạn.
Văn từ và nghĩa lý rất thâm sâu
Hãy nương văn mà phát đại nguyện dài lâu
Chớ chẳng phải đọc văn người là xong việc
Công khóa mỗi ngày theo với lòng tha thiết
Đồng hồi hướng về Thật Tế Chân Như [19]
Viên mãn Bồ đề, tâm khế hợp tâm [20]
Chín pháp giới đồng sanh về Tịnh độ.

Đối trị tập khí

Kẻ phát đại tâm vì muốn thoát sinh, thoát tử
Mỗi niệm xung danh từ tâm nguyện phát sinh
Một niệm viên minh, vạn niệm cũng viên minh
Được như vậy, Phật và Tâm khế hợp
Phải khéo dụng công, đừng nên chấp trước
Ma sự thừa cơ khi thân và trí bất an
Thu nhiếp sáu căn, tâm thanh tịnh, thẳng bằng
Tu như vậy, nhất định không lầm lỗi
Biết địa ngục khổ, phát tâm toan cứu khổ
Một lời thốt ra chân động tựa lời âm
Như ngọn lửa hồng, sáng rực cõi thái không
Bởi tâm ấy thấy người như mình, mà phát thệ
Phát tâm Bồ đề, nghiệp tiêu, tăng phước tuệ
Phước báo thế gian không thể sánh cùng
Cảnh thế gian là duyên khiến đời đạo hòa chung
Há phải dứt trần duyên mong nhập đạo
Đã làm chủ được tâm thì trần lao là giải thoát
Nên kinh Kim Cang dạy độ thoát chúng sinh

Không thấy người, Niết Bàn, cũng chẳng thấy mình

Nếu chẳng vậy,

Tức chưa khế hợp Nhất Thừa Thật Tướng [21]

Chưa thấy bản thể chúng sanh là chư Phật

Khởi trí phàm, xung thánh giải, thị với phi

Khiến huyền nghĩa vô vi thành phước đức hữu vi

Huống chi lại luyến tham nơi sắc, dục?

Khởi vọng là chuyện chung trong trần tục

Có mấy ai mới niệm Phật, được nhất tâm?

Vọng đến đi như khách, chớ theo chân

Thường cảnh giác chính ta là ông chủ

Lâu ngày phiền băng tâm như thành trì luôn phòng thủ

Giặc vọng kia nhất định phải phục tùng

Muốn thắng giặc thì tướng quân chẳng được hôn trầm

Không biếng nhác, không lười thôi khi gặp dịp.

Khi niệm Phật mà tâm không quy mạng [22]

Là do tâm sinh tử chẳng thiết tha

Nếu tự nghĩ rằng,

Tôi đang chịu lửa thiêu, bị nước cuốn trôi xa

Nếu không được cứu ắt là sa địa ngục

Niệm Phật như điều thần, chiêm ngưỡng bản lai diện mục

Đưa tâm rồi ren vào nhất niệm chánh chân

Xưng tán hồng danh khiến vọng tưởng hao mòn

Phật tánh vốn sẵn nơi tự tâm liền hiển lộ

Biết điều phục thì nhìn giặc cướp như con đở

Không biết thì con đở hóa oan khiên

Phải luôn đề phòng khi gặp cảnh, gặp duyên

Chớ hờ hững khiến não phiền bộc lộ

Nếu phiền não, niệm Phật danh tiếp độ

Khi đối diện người đáng vẻ đẹp như lan

Giữ lễ như chị, như em, thân thuộc họ hàng

Xem người vợ như người ân nối dõi

Sắc dục là bệnh chung trên toàn thế giới

Chẳng những hạ, trung mà cả đến thượng căn

Nếu buông lung rất dễ phải sa chân

Kẻ trí thức hóa ra phường ong bướm

Kinh Lăng Nghiêm nói,

“Không trừ tâm dâm thì tử sinh tiếp nối

Làm sao cầu tam muội thoát trần ai”.

Tham sân si xuất hiện phải biết ngay
Xem như khách không được mời mà đến
Người chân tu trong trần lao rèn luyện
Khiến não phiền, tập khí phải tiêu tan
Đó mới là công phu thiết thực, chánh chân
Phiền não hóa thành quang minh chói rạng
Người tu trì lúc thức, lúc ngủ, không có khác

Tu lâu dần trong mộng cũng không sai

Tham sân si là giặc cướp chớ ai
Không dung túng thì làm sao gặp nạn.
Bị cảnh chuyển vì đạo tâm nông cạn
Lòng vui buồn dấy động ở bên trong
Hành trì ngoài mặt để che lấp tà tâm
Như sơn phấn trang hoàng thân dơ bẩn.
Hãy gắng công sức, chớ nên thiên chấp

Cũng đừng loanh quanh không đầu mối trước sau

Tâm suốt ngày mãi hướng ngoại tìm cầu

Chẳng hề biết đến hồi quang phản chiếu [23]
Đức Quán Âm xoay cái nghe về tự tánh
Bồ tát Đại Thế Chí thu nhiếp sáu căn
1370. Kim Cang dạy không trụ sắc thanh hương
Tâm kinh nói Tánh Không ngay trong ngũ uẩn
Là tất cả diệu pháp dạy người đối cảnh
Dù nguyện rằng học vô lượng pháp môn

Nhưng chớ quên tà ý phải canh chừng

Chớ làm kẻ đa văn vô tích sự.
Sắc dục là bệnh chung trên toàn thế giới

Cả ba căn thượng trung hạ dễ làm

Kinh Lăng Nghiêm dạy,
Nếu chúng sinh sáu cõi chẳng tà dâm
Thì khó thể luân phiên trong sanh tử
Muốn thoát trần lao lại không trừ dâm dật

Thì khó mong ra khỏi chốn tử sanh

Tịnh độ tông tuy đối nghiệp vãng sanh
Dâm tâm không bỏ thì làm sao cảm ứng?.
Quán bất tịnh là pháp môn đối xứng
Thân thể người chứa bao thứ hôi dơ

Tưởng đẹp xinh trọn ngày mộng, đêm mơ

Cũng vì vậy mà sinh vào bụng mẹ
Nghiệp nặng thì lấy bụng súc sanh làm thân thể
Nghĩ cho cùng thì kinh hải biết bao

Phải thường xuyên quán tưởng để ngăn rào
Lúc gặp cảnh tâm không tuôn theo cảnh.
Tâm như gương đứng yên, người đến thì hiện ảnh

Người đi thì chẳng giữ bóng hình ai

Tâm không chấp trước, cảnh cảnh mở khai
Chẳng ưa ghét sáu trần, một đường về chánh giác.
Luôn giữ tịnh tâm, rỗng không, thông suốt

Phải biết sợ tâm tà như sắp ngã vực sâu

Mạng do mình lập, phước tự mình cầu

Tạo hóa chẳng thể tùy nghi, tùy tiện.
Thánh hiền là trượng phu, chúng ta phải đâu hạ liệt
Bởi chấp sinh, chấp diệt mới mê tâm

Đuổi theo cảnh trần thì phí sức ruổi dong

Che Phật trí, biến ra thành thế trí.
Nương Tín-Nguyên-Hạnh chấp trì Phật hiệu
Hành trì lâu dần, Tâm và Phật không hai
Biết ngũ uẩn là Không khi đi, đứng hằng ngày
Diệt vọng tưởng, không chấp mình đức hạnh.
Tâm thanh tịnh phù hợp tâm cõi tịnh
Thân ngay cõi trần thắm khế hội cõi Tịch Quang
Đây là con đường lập mệnh, an thân
Phải biết chú trọng vào nơi tinh yếu.

Mấy mươi năm trên thế trần bận bịu

Cũng do vì chấp Ngã, khó buông tay
Kể từ khi có chút hiểu biết đến nay
Theo gió nghiệp, lòng ngổn ngang trăm mối.
Khi gặp cảnh phải sẵn sàng ứng đối
Vì đã dùng phước đức để nghiêm thân
Trí tuệ như đai ngọc với giáp vàng
Diệt phiền não, và diệt luôn tập khí.

Có những kẻ càng tu càng sôi động

Là kẻ tu mà không biết hồi quang[24]
Bởi chấp vào sự tướng gặp giữa đàng

Tâm theo cảnh nên bồng bềnh không thể định

Nếu biết được chỉ là huyễn thân, huyễn cảnh
Đến rồi đi, phiền não gởi vào đâu
Bằng không thì nên Quán Ngũ Đình Tâm [25]

Tham, tức thấy cảnh thì lòng yêu mến

Kẻ dâm dật cũng do tâm ái luyến
Nếu lắng lòng, quán sát cả toàn thân
Từ trong ra ngoài, thấy phân, tiểu, tóc, lông
Thấy răng, móng, xương, da cùng máu thịt
Tham ái dứt trừ thì tâm thanh tịnh
Dùng tịnh tâm niệm danh hiệu Di Đà
Như nước với sữa pha trộn hợp hòa
Tâm là Nhân địa, giác là Quả địa
Gieo tịnh nhân thì kết thành tịnh quả
Phật nhân gieo thì Phật quả song đôi
Vượt chặng đường qua thứ bậc, vị ngôi
Dùng công nhân hạ mà được nhiều ích lợi
Vẫn thù thắng hơn là hằng ngày vun tưới
Gieo nhân chúng sinh mà muốn thành quả Phật, lạ thay.
Tu hành ví như gieo trồng, bất luận là ai
Hạt giống Phật sẽ trở hoa trái Phật.

Sân là khi thấy cảnh sinh lòng hờn giận
Người sang giàu sai khiến kẻ làm công
Việc nếu như không thuận ý, toại lòng
Nhẹ thì mắng nhiếc, nặng thì dùng cây, roi đánh đập
Lúc tâm sân cuồng đầu thấy người bằm dập
Cũng chẳng hay chính mình khí huyết bị tổn thương
Xưa kia vua A Xà Thế [26] là một đại vương
Giữ năm giới [27], một lòng thờ kính Phật
Bỗng một hôm chẳng may người hầu quật
Châu chực cả ngày chẳng được nghỉ ngơi
Mỗi một nên quật roi trúng mặt vua
Vua nổi giận đứng vào giờ bỏ xác
Bởi do sân, thọ thân mạng xà tức khắc
Nhờ phước xưa nên biết được quả nhân
Cầu nghe tam quy ngũ giới từ một sa môn
Thoát thân rắn sanh cõi trời hưởng phước
Kính Hoa Nghiêm nói,

“Một niệm sân mở ra muôn cửa chướng”

Người xưa từng khuyên nhủ: Lửa trong tâm
Đốt tan rừng công đức gây dựng bao năm
Từ bi quán là pháp môn đối trị.
Nhìn chúng sanh như cha mẹ trong quá khứ

Và cũng là chư Phật thuở vị lai
Khi bế bồng, lúc dưỡng dục tháng năm dài

Vòng xoay chuyển đáp đền sao cho đủ.

1470. Lễ đầu đời với người ân lại mang lòng giận dữ

Chuyện còn con cũng sinh sự đời co

Khi hành hung, khi mắng nhiếc nhỏ to
Vị lai Phật đến đi trong pháp giới.
Bồ tát bố thí khi được người đến hỏi
Đều xem như trả lại nghĩa ân xưa
Đến giúp ta thành tựu vô thượng thừa
Phẩm Hồi Hướng trong Hoa Nghiêm nói rõ.
Xưng danh hiệu Phật, hòa tâm vào tâm Phật
Nếu trái Bản Tâm tức đức lớn đã phai mờ
Trong sinh hoạt hằng ngày phải hợp lý, hợp cơ
Lý tức Phật, huyền cơ là thành Phật.
Như đã nói, tâm ta là tâm Phật
Tâm bao la rộng lớn tựa hư không
Như đại dương đón nhận nước trăm dòng
Chớ đại đột mà che mờ tâm ấy.

Kẻ ngu vì không rõ duyên đưa đẩy

Xưa gieo nhân nay kết quả hiện đời

Đôi cảnh, đôi người mà chẳng nhận ra là khách ta mời [28]

Sinh chấp đoạn, chấp thường thành chướng đạo

Kẻ chấp thường không biết chánh báo từ tâm tạo
Cho rằng người thì mãi mãi là người

Đã mang thân thú thì sẽ là thú nối đời

Không hề biết người biến thân thành rắn, cạp
Nghịch lực mãnh liệt đối hình thù khi đang sống
Hướng chỉ là lúc bỏ xác tái sanh
Thức chuyển luân theo nghiệp dữ, nghiệp lành

Nên Phật dạy,

Mười hai nhân duyên chỉ ba đời nhân quả.
Chớ đổ thừa cho trời luôn ban ân, giáng họa

Phước mình làm thì mình thọ có ai tranh

Họa mình gây thì mình chịu hấn phân mình
Vòng sinh tử nối theo nhau không dứt
Khôi phục Bản Tâm là việc tối cần bậc nhất
Tĩnh tông là đường thẳng được gia trì

Như cha theo con từng mỗi bước tập đi

Cớ sao gạt bỏ khi hai chân còn khập khểnh?

Tham Sân Si là cội sanh gốc tử
Tín Nguyễn Hành là diệu pháp thoát tử sanh

Lấy ba pháp lành đổi ba pháp chẳng lành

Khi thành thực thì tham sân si tự diệt.
Tập khí sân do thói quen đan kết
Biết sống với Bản Tâm là mở lớn lòng nhân
Nếu không khai trừ thì tập khí càng tăng
Là chương đạo trên con đường tu học.

Nay nhắc lại về âm thanh khi niệm Phật
Hãy nghe theo sức lực mà hành trì
Niệm thầm hay lớn, nhỏ, cũng tùy nghi
Chớ mong mau chóng mà phát sinh bệnh hoạn.
Lúc niệm xong, hồi hướng cho oán tặc
Trong ba đời được tắm gội Phật ân
Nghiệp chướng tiêu mòn, trí tuệ gia tăng
Tâm chính đại, tà ma không quấy nhiễu
Nếu giữ tà tâm thì cùng tà ma đồng điệu
Tà chiêu cảm tà là lẽ xưa nay

Nghiệp tận tình không như gương báu trên đài

Gương sáng sạch thì chiếu trời soi đất.
Gương phủ bụi ví như tâm dơ bẩn
Thì làm sao chiếu rọi được quang minh
Nếu thấy phát quang, chỉ là ánh sáng của yêu tinh.

Nên phải biết,

Niệm Phật hiệu chí thành thì thấy Phật
Niệm Phật khẩn thiết như người lâm nạn lửa
Niệm tà ma thì hễ gặp tà ma
Dâng tấm lòng thành, cách Phật không xa
Giữ chánh niệm khiến quỷ thần quy phục.

Biết khổ, cái biết đó là thầy.

Biết bệnh, cái biết đó là thuốc.

Gẫm việc đời nhớ lại lời Mạnh Tử:
Người đưa vai gánh trọng trách thế gian
Lúc chưa gặp thời cũng lắm gian nan
Chịu đói lạnh trước khi thành đại sự
Chịu cay đắng với thị phi, bỉ thử
Nhưng đại sự này chỉ là vinh nhục thế gian
Huống chi chúng ta là kẻ xoay ngược trí năng

Trên, chuyển phàm thức hóa thành Phật trí
Dưới, giáo hóa chúng sinh đưa về Phật vị
Thì gian truân thử thách hẳn vô bờ

Giữa bồng bênh trôi nổi nhớ lời xưa:

“Nếu chưa thấu một lần xương lạnh buốt

Hoa mai thơm dễ đâu mà ngửi được”.

Trên con đường lập đức của tiền nhân
Khổng Tử, năm bảy mươi vẫn thấy bần khổ
Mong được sống thêm vài năm học Dịch[29]
Có hạng người đời nay sinh lòng ưa thích

Lập lại lời kinh qua cái học từ chương

Dám lấy kinh dẫn chứng để tranh hơn
Nào biết đến chỗ chánh tâm, thành ý.

Nào biết dùng gương xưa mà thử nghĩ

Từng việc làm, câu nói của chính mình
Hợp lý thánh hiền hay đối nghịch, chông chênh
Nếu không hợp, phải biết mình khác sách.
Di Lạc Bồ Tát dù quả vị là Đẳng giác
Muốn diệt vô minh nên lễ Phật mười hai thời
Mong đến một ngày chứng viên mãn pháp thân
Huống chi thân chúng ta là thân từ quả báo
Là thân phàm phu trong vòng nghiệp đạo

Dù biết rằng tánh Phật vốn không hai

Nếu không siêng năng gột rửa, đòi mài
Phiền não che lấp, nguồn tâm không thể hiện
Nếu do thói quen sinh lòng bất thiện
Phải kịp thời tỉnh giác, niệm Phật danh
Tiếng từ bi khiến niệm ác tan nhanh
Thân khẩu ý đồng quy về chánh niệm.
Kẻ thiếu trí dối người theo phù phiếm
Bởi khinh thường cả thiên địa quỷ thần

Cho rằng không ai biết việc ta làm

Như kẻ trong bóng tối mặc tình thao diễn

Sao chẳng nghĩ,

Khi ta biết thì Phật thần cũng biết

1570. Tự tâm gồm thu pháp giới tạng tâm[30]
Chúng sinh khắp nơi khởi niệm, sinh lòng
Bạc giác ngộ tự Bản Tâm thấu suốt

Bởi tự và tha không phải hai mà là một.

Muốn học Phật thì trước hết phải ăn năn

Đổi ác lấy lành, đổi dối lấy chân

Nếu chẳng vậy thì quy y thành khuôn sáo

Biết được không khó, thực hành mới khó

Mấy kẻ biết thực hành dù trí tình thông

Uổng công vào núi ngọc trở về không

Thật đáng tiếc! Ôi thật là đáng tiếc!

Trên thế gian có hai hạng người trung liệt

Một là người không gây tạo lỗi lầm

Hai là người biết sám hối, ăn năn

Câu sám hối phải từ tâm phát khởi

Bằng không, ví như người đọc tên thuốc giỏi

Đọc cả đời mà thuốc vẫn trên tay

Lại như người ý chí dễ lung lay

Theo danh tướng, không mấy may lợi ích.

Lợi hại đều do người, cảnh vốn vô tự tánh

Nếu biết nhìn thì không khổ cũng không vui

Kẻ trí trên biết mệnh trời, dưới biết tính người

Nên nhậm vận, tiêu dao theo tình ý

Gặp cảnh phú quý thì: Ừ, phú quý!

Gặp bần cùng thì cũng nhận bần cùng

Sinh chỗ phồn hoa thì sống với phồn hoa

Sinh nơi dân giả thì vui cùng dân giả

Tâm bình, khí hòa, không cao cũng không hạ

Niệm Phật cầu Tây phương, biết nhân quả trước sau

Xứng tánh là xứng tánh Phật chớ đâu

Nếu xứng tánh phàm phu thì làm sao thấy Phật

Không thể vắng sanh vì không cảm ứng

Nên phải lập chí như giữ ngọc trắng tinh khôi

Bỏ ác làm lành, giúp vật, cứu người

Chớ làm kẻ nguy trang màu đạo đức

Như dùng hạt hư thối gieo vào sỏi đất

Mà ngày sau lại muốn kết quả đơm bông

Trong mọi thời chỉ nên giữ một lòng

Đối trước Phật kính tin không sai quấy

Đối trước người không sinh lòng tà vạy
Không khoe khoang thành quả việc tu hành
Công đức kia, nào dễ có đã đành
Nhưng ác niệm sẽ tựu thành ác quả
Tu xứng-tánh-hạnh thác sinh thượng phẩm
Tánh bên trong, chớ sơn phết tướng hình
Tập trường chay, không nhai nuốt chúng sinh
Không uống rượu, luôn giữ lòng khắc kỷ [31]
Trong Phật đạo hãy làm bậc khai sĩ [32]
Muốn cầu vãng sinh trước hết phải từ bi
Phải biết tùy cơ, tận diệt tham sân si
Tâm hướng Phật liền liễu phàm thoát tục
Niệm Phật hiệu nương cậy vào Phật lực
Công đức kia dù có biệt, có thông
Chín phẩm sen vàng có thượng, hạ, trung
Người đoạn Hoặc và người chưa đoạn Hoặc.

Luận về các pháp tu trì

Pháp môn tu có tự lực và tha lực
Người cầu vãng sinh tu tập Tịnh môn
Đó là cả tự lực, Phật lực gồm thu
Khác với người tin chính mình tự tu, tự đắc
Không có tín tâm cầu vãng sinh Cực Lạc
Như vẽ tranh sơn thủy với bút lông
Nét ngắn, nét dài, đậm, nhạt tùy lòng
Đầu ngọn bút tự tay mình chấm phá
Thành tựu hoại không, tùy đường nét họa
Hoàn thành hay dang dở cũng tại ta
Khác với Tịnh tông, cảnh mây nước, lá hoa
Dùng máy ảnh một lần liền chụp trọn
Pháp môn tự lực như người đi từng bước
Một ngày đi chẳng quá mấy dặm đường
Tịnh độ pháp môn như luân bảo của thánh vương
Luân chuyển khắp bốn châu trong thiên hạ
Chúng sinh cõi Diêm Phù đề sa, dễ đọa
Không dễ dàng đạt đến chỗ viên thông
Pháp Phật sâu dày, tội nghiệp cũng vô cùng
Không cầu đối nghiệp vãng sinh, khó mong liễu đạt.

Chỉ lo cho người quần quanh vòng nghiệp Hoặc
Sáu cõi luân hồi mỗi bước mỗi lênh đênh
Tận đời vị lai hết thọ tử lại thọ sinh
Vòng nhân quả tự tạo rồi tự hưởng
Bốn pháp niệm Phật: Danh, Tướng, Tướng, Tượng [33]
Riêng pháp Trì Danh thu nhiếp các căn cơ
Dễ dàng cho người hạ thủ công phu
Không phức tạp khiến lâm vào ma cảnh
Phải đọc Quán Kinh [34] nếu muốn tu quán hạnh
Tâm này là Phật, làm Phật tự tâm này
Tịnh tâm thì Phật hiện, nào phải tự bên ngoài
Không chấp trước thì cảnh càng thâm diệu

Biết được như vậy mới gọi là quán liễu
Nếu bằng không, sinh vọng chấp tìm cầu
Tâm vọng thì cảnh vọng có xa đâu

Không tương ứng với Phật tâm, Phật cảnh.
Oan gia nhiều đời hiện thân oán địch
Nhân địa đã sai lầm, chẳng dễ biết quả địa thật hư
Khiến sinh lòng hoan hỷ, uổng công dư
Ma thừa dịp dựa nương làm loạn trí

Nên lượng tâm sức mình, chớ ham toan tính

Mơ viễn vọng khiến tổn lại thân tâm
Ngài Thiện Đạo dạy rằng: “Cảnh vi tế, cao thâm
Tâm phàm thô thiển biết đâu ma mị”.

Buổi mặt trời dễ sa vòng lâm lụy

1670. Tu Quán môn khó đến chỗ tinh anh
Bậc đại thánh xót thương khuyên tu pháp Trì Danh
Tâm tương ứng liền vắng sanh Phật quốc.
Khi quán hình tượng Phật lại nhìn thấy Phật
Phải biết Phật ấy từ tâm ý hiện ra[35]

Chớ nghĩ rằng là cảnh ở ngoài ta

Tuy cảnh tượng rất phân minh rành mạch.
Kinh Lăng Nghiêm nói:
“Không cho là chứng thánh, thì là cảnh giới lành”.
Trong mười sáu pháp quán, chẳng bằng pháp trì danh.

Pháp giới tàng thân A Di Đà Phật
Khấp mười phương, pháp giới hiện đủ đầy
Như lưới trời Đế Thích muôn vạn Ma Ni

Cùng in bóng long lanh trong một hạt
Nơi một, tịch chiếu và gồm thu muôn vạn

Vốn dung thông không thiếu cũng không dư
Nhưng kẻ sơ cơ chưa phân biệt được vọng hư
Không chuyên chú, thân tâm liền phân tán
Là kẻ sơ học, chướng sâu mà tuệ cạn
Vọng đầy đầy chiêu cảm bọn ma con
Cho nên lịch đại Tổ Sư và chư Phật Thế Tôn
Dạy niệm Phật hiệu A Di Đà chuyên nhất
Chứng niệm Phật tam muội, diệu môn hoàn tất

Nên phải biết rằng,

Trì Phật danh là một pháp khế muôn cơ

Trì khít khao đến chỗ bất loạn tâm
Thì Thật Tướng sẽ lộ bày cùng cực
Muốn nhập Phật cảnh nên nương Phật lực
Câu Di Đà rúng động bọn ma quân

Há chẳng hơn tự cậy lực oai hùng

Gặp ma chẳng biết, lại cùng ma đắc ý
Pháp Như Lai thuyết khế cơ nhưng đồng vị [36]
Dùng Quyền môn ẩn Thật pháp bên trong
Năm thời giáo hóa[37], pháp pháp dung thông
Thời cơ đến liền khai Quyền hiển Thật [38]

Khi đến được chỗ tâm đồng tâm Phật

Thấy hay không thấy Phật chẳng bận lòng

Chớ ước ao mong đợi thấy Thế Tôn
Cảm ứng chưa thông, mê tâm sinh bệnh
Oan gia nhiều kiếp thừa cơ xuất hiện
Dối hiện ra thân Phật, thỏa ước ao
Mơ tưởng trăm bề, sống tựa chiêm bao

Tự mình hại mình mà nào rõ biết

Hãy cố công tu trì, Nhất Tâm hiển hiện
Nắm chặt câu Phật hiệu chẳng rời tay
Không phí công hí luận muốn cao bay

Bay chẳng được mà còn rơi xuống thấp

Kẻ chưa hiểu Lý đạo nên sinh lòng bài bác
Không chuyên cần niệm Phật lại niệm mình
Miệng nói rằng tu nhưng Ngã chấp ngông nghênh

Chưa biết pháp nói chi là Pháp chấp!

Tưởng rằng chỉ nói đôi ba câu đùa cợt
Có hay đâu khẩu nghiệp buộc vào thân
Án Quang tôi ngại kẻ chẳng biết dụng tâm

Mất lợi lớn lại khiến người thoái thất
Tổ Vĩnh Minh[39] nói: “Thấy được A Di Đà Phật
Lo chi không khai ngộ pháp thậm thâm”.
Nay Ấn Quang tôi bắt chước ý tiền nhân
“Khuyên nhất tâm, lo chi thấy hay không thấy Phật.”
Đóng cửa tu, không chê người, khen vật
Khi tâm thuần nhất sẽ cùng Phật cảm thông
Nhuê đặt trên đài cao gương sáng ví tịnh tâm
Hình tướng đến thì gương liền in bóng
Hình tướng đi, gương an nhiên bất động
Gương không hề giữ bóng lại trong gương
Cũng như vậy,
Chớ ôm lòng cầu cảm ứng hỗ tương
Tâm mong ước chính đó là tà hạnh.

Niệm Phật Thật Tướng là niệm Phật Tự Tánh
Chỉ Quán Thiên Thai, thâm cứu của Thiền tông
Các pháp trên dạy niệm tánh thiên chân[40]

Làm thì dễ nhưng thật là khó chứng
Nếu chẳng phải là đại sĩ tái sinh dày cảm ứng
Có mấy ai thành tựu được đời này
Thật tướng trong tất cả pháp đến, đi
Trì Phật hiệu cũng là trì thật tướng
Sự và Lý có cạn sâu, vẹn toàn tánh, tướng
Phàm phu dùng Phật hiệu để gieo nhân
Nắm trong tay hạt giống trở hoa tâm
Nay bỏ pháp trì danh, toan tìm thật tướng
Muôn người tu, một hai người thực chứng
Gương người xưa [41] còn đó chớ xem thường
Dù lập ra chí lớn, nói việc phi thường
Thành tựu được hay không mới là hữu hiệu.
Người dạy người thiên về điều huyền diệu
Ấn Quang tôi chú trọng đến thực hành
Nếu thuyết ra pháp vời vợi mây xanh
Người không làm được chỉ oan ba đời chư Phật.

Thế nào gọi là,
Niệm mà vô niệm, vô niệm mà niệm
Tức tâm không khởi ý niệm Phật danh
Nhưng mỗi phút giây Phật hiệu nối kết thành
Nhuê chuỗi ngọc nối liền không đứt đoạn

Cảnh giới thâm huyền chẳng dễ gì chứng được.
Người đời nay mong cảm ứng nhất thời

Dễ khiến ma thừa lúc dựa theo người

Vì chẳng biết giữ bốn tâm tĩnh lặng

Tâm an định, dù cảnh không thù thắng
Hoặc cảnh ma vẫn lợi ích đường tu

Bởi vì sao?

1770. Ma không chuyển được người, tức người chuyển được ma

Tâm kiên cố, càng tu càng thắng tiến

Không mong thấy cảnh thì cảnh không thường hiện

Vào đời Minh, núi Thiên Mục, có kẻ họ Ngu[42]

Ngày ngày bế quan trên đỉnh chuyên tu

Bỗng có thể tiên tri thiên thời, họa phước

Liên Trì Đại Sư [43] vì ông quở trách

Bảo ông rằng chớ vào ổ ma quân

Ông tự tâm sửa đổi những mê lầm

Từ đó về sau không còn như trước

Nên phải biết,

Người tu đạo như chèo thuyền ngược nước

Chớ phân tâm vì cảnh tượng ngoài, trong

Ví dụ như chứng đắc đến ngũ thông [44]

Lòng vắng lặng, không một lần vướng bận

Nếu được vậy, mới mong thông Lậu Tận[45]

Bằng không thì đường thoái chuyển sẵn dành

Lại như người muốn mau chóng hoàn thành

Muốn chứng đạo hơn dày công tu học

Phải biết rằng,

Diệt phiền não thì hiện chân thân Phật

Nếu gương mờ, mong chi phản chiếu bóng hình

Nếu phát quang, hẳn là ánh sáng yêu tinh

Như mắt bệnh nên không nhìn tường tận

Người sơ phát tâm phải nên ghi khắc.

Niệm Phật danh cầu vãng sinh Cực Lạc

Hãy nên cầu giải thoát ngay tại đời này

Chẳng nên tự mình định trước tháng ngày

Nếu công phu thuần thực thì hẳn như sở nguyện

Nếu công phu giải đãi tức tự chiêu ma nghiệp

Vọng kết thành một khối khó gỡ cho ra
Tâm tự cầu, tự định cảm duyên ma
Chỉ nên nguyện vãng sinh khi hết kiếp
Nếu ngày tháng còn dài hãy tạo thêm thiện nghiệp
Hết báo thân hiện kiếp sẽ về Tây
Chớ nên cầu giảm tuổi thọ, chóng thoát ly
Tức phạm giới và luật nghi Phật lập
Người tu học chớ mang tâm thiên chấp
Hãy thuận duyên mà cầu được vãng sinh
Ví như thân một cây mạ non xanh
Kẻ làm ruộng kéo dài cho mau lớn[46]
Kính Phạm Võng nói,
“Wướng víu vào ngã, chấp nê tư tưởng
Thì chẳng làm sao vào được pháp lành
Muốn giảm đi tuổi thọ để chóng thành
Cũng không phải việc nên cầu đó vậy”.

Khuyên hành nhân nỗ lực

Sống cõi thế gian muôn vàn khổ hải
Dù thắng thiên cũng khó tránh ngũ suy [47]
Riêng cõi Tây phương Tịnh độ diệu kỳ
Chỉ hưởng an vui nên gọi là Cực Lạc
Tam giới bất an ví như nhà lửa [48]
Khổ đầy đây, nên phải biết hải kinh
Mạng sống vô thường tựa ánh chớp giữa đêm
Nhìn sắc tướng như bọt bèo trên bóng nước
Nếu vẫn sống thân nhiên vô tri vô thức
Theo bản năng như cây cỏ, thú cầm
Chẳng màng thánh cảnh bởi quen thuộc tình phàm
Không tin nhận lời thánh hiền khuyên nhủ
Chẳng phải trời phụ người mà người tự phụ
Sanh ra lớn lên như gỗ đá vô tình
Đến một ngày giữa bể khổ mông mênh
Ai biết trước chỗ gá thân nối kiếp?
Thời thế loạn cuồng, trong ngoài đối địch
Bể thẳm muôn trùng, thuyền mọc lênh đênh
Sao không mau tu tịnh nghiệp dọn bước vãng sanh
Thiếp hồng gởi [49] mà không màng hồi đáp
Theo thời trang mà nói rằng theo Phật

Một hơi thở ra nếu không thể hít vào
Lúc bấy giờ còn biết sẽ về đâu
Muôn nghe pháp Phật há là dễ được.
Thân là cội gốc chiêu mời tội phước
Ý chí người tu thách thức vạn chông gai
Khổ là thầy, đau là bạn, suốt tháng năm dài
Như nợ cũ, như hiềm xưa nay gặp lại.
Không trách trời, không oán người, ung dung chiêu đãi
Đến một ngày mang nghiệp cũ vãng sanh
Vui theo mệnh trời, thuận nhân quả rõ ràng
Chớ có bảo cầu xin là hèn mọn.
Khán thoại đầu, tham thiền nhưng tâm mê chưa thể đoạn
Đường khó đi, bước bước lại quanh co
Không nguyện Phật Di Đà trợ lực, tự giải, tự lo
Nợ com áo biết ngày nào trả được.
Nói một trượng không bằng làm một tác
Dù thông tông, thông giáo cũng bằng không
Chẳng thoát được tử sinh, bánh vẽ há no lòng
Muôn được khéo mà hóa ra vụng tính
Xưa vun bồi tuệ căn còn xa cứu cánh
Nay không nương Phật lực dựa Liên bang
Như bình chưa nung gặp mưa phải rã tan
Ngày tháng qua mau, mạng người mấy thuở.
Kẻ chưa chứng đạo, ngộ mê, mê ngộ
Một vạn người đều đủ cả vạn người
Tiểu ngộ rồi đại ngộ, được mấy ai
Muôn ức kẻ, tìm một hai chẳng dễ
Đành lòng sao, kẻ mang Đại thừa pháp khí
Lúc tái sanh như bình đất gặp mưa rào
Đành chịu vỡ tan thành đất cát bởi đâu
Kiếp nối kiếp, chôn sâu nơi cõi thế
Dù chưa phá sạch vô minh hoàn nguyên bản thể
Há chẳng dụng công viên chứng được ba tâm
1870. Thân tâm, trực tâm, hồi hướng phát nguyện tâm
Từ thân mê hoặc đưa tâm hòa Cực Lạc
Nếu không tự mình bồi công, gắng sức
Uổng cả đời tu tập vẫn trầm luân
Vui chân tánh vô lượng công đức, trí tuệ, thần thông

Trong sanh tử luân hồi không dừng nghỉ.

[1] Nhà lửa, phẩm Thí Dụ, kinh Pháp Hoa.

[2] Đã ghi chú ở phần I.

[3] Tức là đà-la-ni, phiên âm từ Phạn ngữ là dhraṇi, nghĩa là nắm giữ trọn vẹn tất cả, hàm ý có thể nắm giữ được vô lượng pháp Phật không để mất đi.

[4] Bốn quả thuộc Tiểu thừa

[5] Đại thừa.

[6] Lời tố Vĩnh Minh Diên Thọ (đã ghi chú ở phần I)

[7] Chỗ sấm uất, không phải nơi xa xôi hẻo lánh.

[8] (惑業苦) Do các hoặc tham, sân, si mà tạo các nghiệp thiện ác, rồi lại do các nghiệp này làm nhân mà chiêu cảm quả khổ sống chết trong 3 cõi. Do hoặc khởi nghiệp, vì nghiệp mà phải chịu khổ, khổ lại khởi hoặc, cứ thế xoay vần, sinh tử không dứt, nên gọi là 3 đạo. [X. luận Thành duy thức Q.8]. (Tứ điển Phật Quang)

[9] Xem Thiên Thai Trí Giả, Tích môn Thập Diệu

[10] Chú thích # 13

[11] 死魔 là một trong bốn ma là ma phiền não - ma ngũ ấm - tử ma - thiên ma.

[12] Vô tâm định—Tam muội diệt bỏ hết những suy nghĩ phân biệt.

(本來無一物) Bản lai vô nhất vật. Tiếng dùng trong Thiền lâm. Nghĩa là muôn tượng trong vũ trụ là do vọng tưởng phân biệt của người ta sinh khởi, chứ thực thì từ xưa đến nay vốn không có bất cứ vật gì có thể nắm bắt được. Hết thấy các pháp đều không, chỉ nhờ mối quan hệ hỗ tương y tồn mà có. Trong mối quan hệ hỗ tương luôn luôn biến hóa, không có một chủ thể nào độc lập tự tồn tại, cho nên chẳng có vật gì có thể chấp trước được, mà cũng không nên nắm bắt vật gì. Từ ngữ bản lai vô nhất vật có xuất xứ từ kinh Pháp bảo đàn của Lục tổ (Đại 48, 349 thượng): Bồ đề vốn không cây, gương sáng cũng không đài, xưa nay (bản lai) không một vật, bụi bám vào chỗ nào?. Ý nói hết thấy đều rỗng lặng, khi thấu suốt được lý ấy thì không có một vật gì, mà chỉ là một cảnh giới thiên chân độc chiếu. Cứ theo kinh Pháp bảo đàn nói, thì bài kệ trên đây do Lục tổ làm ra để đối lại với bài kệ của Đại thông Thần tú (Đại 48, 348 trung): Thân là cây Bồ đề, tâm như đài gương sáng; phải chăm lau chùi luôn, chớ để bụi bám vào. Tuệ năng đã nhờ bài kệ trên mà được ngũ tổ Hoằng nhẫn trao truyền áo bát và trở thành tổ thứ sáu của Thiền tông. (Tứ điển Phật Quang)

[13] Tâm định là trì. Là bốn chôn là đẳng.

[14] 善導; C: shàndǎo; J: zendō; 613-681. Vị thứ 3 trong 5 vị tổ Tịnh độ tông và là vị thứ 5 trong 7 vị tổ của Tịnh độ chân tông. Ngài xuất gia khi còn nhỏ tuổi và tu tập thiền quán tưởng A-di-đà và Tịnh độ. Khi nghe tiếng Đạo Xước(道綽), Thiền Đạo đến gặp và nhận giáo lý Tịnh độ từ vị này. Suốt đời Thiền Đạo hiển minh tu tập và hoằng truyền giáo lý này. Tương truyền sư đã chép kinh A-di-đà hơn 100.000 lần và vẽ hơn 300 bức tranh về Tịnh độ. Ngoài việc tụng kinh và niệm Phật thường xuyên, sư còn tiền hành các thời khoá thiền quán tưởng đức Phật A-di-đà và Cực lạc quốc của Ngài. Thiền Đạo còn trứ tác 5 tác phẩm trong 9 cuốn, gồm những luận giải khác nhau về kinh Quán vô lượng thọ. Ngài thường được gọi là Quang Minh tự Hoà thượng (光明寺和尚), Chung Nam Đại sư (終南大師)...

[15] chuyên tu và tập tu, tức chuyên vào một pháp môn, và tu một lúc nhiều pháp môn.

[16] Phát khởi tâm nguyện đạt đến giác ngộ. Quyết tâm đạt đến sự giải thoát tối thượng.

[17] 1) Ân cha mẹ (2) Ân chúng sinh (3) Ân quốc vương (4) Ân Tam bảo

[18] (蓮池大師), tức Vân Thê Châu Hoằng (雲棲株宏, 1535-1615), tự là Phật Huệ (佛慧), hiệu Liên Trì (蓮池); từng sống tại Vân Thê Tự (雲棲寺) thuộc Ngũ Vân Sơn (五雲山), Hàng Châu (杭州), Tỉnh Triết Giang (浙江省); xuất thân Phủ Nhân Hòa (仁和府), Hàng Châu, họ là Thầm (沉).

[19] Chân thực, Bất biến chân như (不變真如) Chân như không biến đổi. Đối lại với Tùy duyên chân như. Thể của chân như rốt ráo bình đẳng, không có đối khác, nên gọi là Bất biến chân như. Tức chỉ cho chân tâm bản tính, tính Phật thường còn. Thể bất biến này theo duyên mà sinh ra các tướng trạng trong ba cõi sáu đường, gọi là Tùy duyên chân như (chân như theo duyên). Các tông Pháp tướng, Tam luận (Quyển Đại thừa) vì không chấp nhận chân như duyên khởi, nên không lập nghĩa Tùy duyên chân như. Còn các tông Hoa nghiêm, Thiên thai (Thực Đại thừa) v.v..., đối với chân như, lập hai nghĩa bất biến, tùy duyên đề nói rõ chân như vốn không biến đổi, nhưng theo duyên mà tạo tác các pháp hữu vi. [X. luận Kim cương ti]. (Phật Quang từ điển)

[20] Tâm chúng sinh khế hợp tâm Phật

[21] (實相涅槃) Lấy thực tướng các pháp làm Niết bàn, đặc biệt do học phái Trung quán đề xướng. Phẩm Quán niết bàn trong Trung luận quyển 4 (Đại 30, 36 trung) nói: Phân biệt tìm cầu đến ngọn nguồn các pháp thì có cũng không, không cũng không, có không cũng không, chẳng có chẳng không cũng không, đó gọi là Chư pháp thực tướng, cũng gọi là Như pháp tính thực tế niết bàn. Ý nói thực tướng của các pháp ở thế gian tức rốt ráo là không, cũng chính là không sinh không diệt, Niết bàn vắng lặng. Do đó thế gian và Niết bàn, Niết bàn và thế gian cả 2 đều không sai khác. Thuyết này là chỗ y cứ quan trọng của chủ trương nhập thế trong Phật giáo Đại thừa. (Từ điển Phật Quang)

[22] 歸命 Dịch chữ Namas từ tiếng Sanskrit, còn Phiên âm là Nam-mô 南無. Hiến dâng hết đời mình, giao phó hết sinh mạng mình cho Phật pháp.

[23] tự soi lại lấy mình

[24] 迴光返照 Tiếng dùng trong Thiền lâm. Tự chiếu soi lại tâm tính. Lâm tế lục (Đại 47, 502 thượng), ghi: Ngay nơi lời nói, ông tự hồi quang phản chiếu, không tìm cầu gì khác, thì biết được thân tâm mình không khác gì với Phật tổ. Thạch đầu thảo am ca trong Cảnh đức truyền đăng lục quyển 30 (Đại 51, 461 hạ), nói: Ở am này, thôi giảng giải. Ai khoe hàng quán mua người về? Hồi quang phản chiếu liền biết đường về. Rõng suốt tính linh chẳng hướng ngoại (Từ điển Phật Quang) .

[25] (五停心觀) Cũng gọi Ngũ quán, Ngũ niệm, Ngũ đình tâm, Ngũ độ quán môn, Ngũ độ môn, Ngũ môn thiền. Năm pháp quán dứt trừ phiền não mê hoặc. Đó là: 1. Bất tịnh quán (Phạm: Azubhāsmṛti): Quán tưởng thân mình và thân người là nhơ nhớp để trừ bỏ lòng tham muốn. 2. Từ bi quán (Phạm: Maitrī-smṛti), cũng gọi Từ tâm quán, Từ mẫn quán. Quán tưởng lòng thương xót để đối trị với phiền não oán giận. 3. Duyên khởi quán (Phạm: Idāpratītyasamutpāda-smṛti), cũng gọi Nhân duyên quán, Quán duyên quán. Quán tưởng 12 duyên khởi thuận và nghịch để đối trị phiền não ngu si. 4. Giới phân biệt quán (Phạm: Dhātuprabheda-smṛti), cũng gọi Giới phương tiện quán, Tích giới quán, Phân tích quán, Vô ngã quán. Quán tưởng các pháp 18 giới đều do sự hòa hợp của đất, nước, lửa, gió, không và thức mà có thể đối trị ngã chấp. 5. Sở tức quán (Phạm: Ānāpāna-smṛti), cũng gọi An na ban na quán, Trì tức niệm. Đếm số hơi thở ra, thở vào để đối trị tâm, tứ tán loạn, giữ cho tâm dừng yên ở 1 cảnh. [X. phẩm Lục chủng tính trong kinh Bồ tát địa trì Q.3; luận Câu xá Q.22, 29; luận Đại tì bà sa Q.40; luận Du già sư địa Q.26; luận Thuận chính lý Q.59; luận Đại thừa a tì đạt ma tạng tập Q.11; Đại thừa nghĩa chương Q.12; Ma ha chỉ quán Q.7, phần 2]. (Từ điển Phật Quang)

[26] (阿闍世王) A xà thế, Phạm: Ajātaśatru, Pāli: Ajātassattu. Là con vua Tần-bà-sa-la (Phạm: Bimbisāra) nước Ma yết đà thuộc trung Ấn độ vào thời Phật. Gọi tắt là Xà thế vương. Còn gọi là A xà đa sa đầu lâu vương, A xà đa thiết đốt lộ vương, A xà đa thiết đốt lộ vương. Dịch ý là Vị sinh oán vương, Pháp nghịch vương. Mẹ tên là Vi đề hi, cho nên còn gọi là A xà thế Vi đề hi tử. Sau giết cha chiếm ngôi, bành trướng bá quyền tại trung Ấn độ. Khi còn ở trong bụng mẹ, thầy bói đoán là đứa con ấy sau khi sinh sẽ giết cha, vua cha nghe thầy bói nói rất sợ hãi, cho nên, khi sinh ra, nhà vua

bèn ném A xà thế từ trên lầu xuống đất, nhưng chỉ gãy ngón tay chứ không chết, vì thế còn gọi là Bà la lưu chi (Phạm: Balaruci, có nghĩa là gãy ngón tay), đồng thời, vì chưa sinh ra đã kết oán, nên gọi là Vị sinh oán. Lớn lên, ông được lập làm Thái tử, nhân nghe lời xúi dục của Đề bà đạt đa, bắt vua cha hạ ngục và giam cho đến chết. Sau khi lên ngôi, thôn tính các nước nhỏ lân cận, uy danh vang lừng bốn phương, đặt nền tảng cho việc thống nhất Ấn độ. Sau vì tội giết cha nên khắp mình ông ghê lở, đến trước Phật xin sám hối, liền khỏi bệnh và qui y đức Phật. Sau khi đức Phật nhập diệt, A xà thế là vị đại hộ pháp của giáo đoàn Phật giáo. Khi ngài Ma ha ca diếp kết tập kinh điển ở hang Thất diệp, A xà thế là vị đại thí chủ, cung cấp tất cả mọi vật cần dùng. Về niên đại A xà thế lên ngôi, cứ theo Thiện kiến luật thì bà sa quyền 2 chép, thì nhà vua lên ngôi tám năm trước khi đức Phật nhập diệt, cầm quyền được ba mươi hai năm. Ngoài ra, cứ theo kinh Tạp a hàm quyền 46, kinh Xuất diệu quyền 22 chép, nhà vua cùng với Ba tư nặc vương nước Ca thi đã đánh nhau mấy lần, sau nhờ Phật giáo mới được hòa giải. Các sự tích khác của nhà vua, sau cuộc kết tập tại hang Thất diệp, không thấy ghi lại trong các kinh điển. [X. kinh Trường a hàm Q.2, Q.17; kinh Tăng nhất a hàm Q.12; kinh Đại ban Niết bàn (bản Bắc) Q.19, Q.20; kinh Quán vô lượng thọ; kinh A xà thế vương; Hữu bộ Tì nại da tập sự Q.38; luật Ngũ phần Q.3; Đại đường tây vực kí Q.9; Tuệ lâm âm nghĩa Q.25]. (Từ điển Phật Quang)

[27] (五戒) Phạm: Pañca zilàni. Chỉ cho 5 loại giới do đức Phật chế định. I. Ngũ Giới. Cũng gọi Ưu bà tắc ngũ giới, Ưu bà tắc giới. Năm thứ chế giới của nam nữ Phật tử tại gia thụ trì. Đó là: 1. Không sát sinh. 2. Không trộm cướp. 3. Không gian dâm. 4. Không nói dối. 5. Không uống rượu. Trong hệ thống Kinh lượng bộ Tiểu thừa, người thụ 3 qui y thì thành Ưu bà tắc và được cho phép trong 5 giới, tùy theo khả năng, hề giữ được giới nào thì thụ trì giới đó. Còn chủ trương của Thuyết nhất thiết hữu bộ thì trước phải thụ 3 qui y, sau thụ đầy đủ 5 giới mới trở thành Ưu bà tắc, cho nên phải thụ trì cả 5 giới. Trong 5 giới, 4 giới trước thuộc tính giới, giới sau cùng thuộc về giả giới. Lại nữa, 3 giới trước phòng ngừa thân, giới thứ 4 phòng ngừa miệng, giới thứ 5 phòng ngừa chung cả thân và miệng để giữ gìn 4 giới trước. Trung quốc từ xưa đem 5 giới phối hợp với 5 thường (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín), rồi lại phối hợp với 5 phương như: Không sát sinh phối với phương đông, không trộm cướp phối với phương bắc, không gian dâm phối với phương tây, không uống rượu phối với phương nam và không nói dối phối với trung ương. [X. kinh Tạp a hàm Q.33; kinh Tăng nhất a hàm Q.20; kinh Tì ni mẫu Q.1; luận Đại trí độ Q.13; Tát bà đa tì ni tì bà sa Q.1; luận Câu xá Q.14; Nhân vương hộ quốc bát nhã kinh số Q.2; Ma ha chỉ quán Q.6]. II. Ngũ Giới. Cũng là 5 loại chế giới của nam nữ Phật tử tại gia thụ trì được ghi trong các kinh: Quán đỉnh quyền 1, kinh Ưu bà tắc ngũ giới uy nghi, kinh Tứ thiên vương v.v... Đó là: 1. Sát sinh. 2. Trộm cướp. 3. Gian dâm. 4. Nói 2 lưỡi, nói lời ác, nói dối láo, nói thêu dệt. 5. Uống rượu. Trong 5 giới này, giới thứ 4 bao gồm hết những cái xấu ác của khẩu nghiệp, được rút từ thuyết Thập ác ra. III. Ngũ Giới. Năm thứ chế giới của Bồ tát tại gia thụ trì. Đó là: 1. Tuyệt đối không được dứt sự sống. 2. Cái gì người ta không cho, tuyệt đối không được lấy. 3. Tuyệt đối không được nói láo. 4. Tuyệt đối không được gian dâm. 5. Tuyệt đối không được tà kiến. Năm giới trên đây được nói trong Đại nhật kinh số quyền 18. Chỗ khác với 5 giới thông thường là thay thế giới Uống rượu bằng giới Tà kiến. [X. kinh Tạp a hàm Q.31; kinh Tăng nhất a hàm Q.7; phẩm Thụ phương tiện học xứ trong kinh Đại nhật Q.6; kinh Ưu bà tắc giới Q.6; kinh Ưu bà tắc ngũ giới tướng; luận Du già sư địa Q.54]. (Từ điển Phật Quang)

[28] Chỉ cho nhân quả.

[29] Kinh Dịch của Trung Quốc.

[30] (一念三千) Một niệm ba nghìn. Nhất niệm cũng gọi Nhất tâm, chỉ cho tâm niệm hoạt động trong khoảng thời gian ngắn nhất. Tam thiên biểu thị ý nghĩa tổng hợp tất cả thiện ác, tính tướng, người và vật sai khác trong thế gian và xuất thế gian. Nhất niệm tam thiên nghĩa là ngay trong 1 tâm niệm của phàm phu có đầy đủ 3.000 các pháp tính tướng của thế gian. Vì theo tư tưởng của tông Thiên thai thì ngay trong 1 tâm niệm, dù thuộc 3 tính hữu lậu hay vô lậu, đều có đủ các pháp mê ngộ của 3.000 thế gian, không thiếu sót. Ma ha chỉ quán quyền 5, thượng (Đại 46, 54

thượng) nói: Trong 1 tâm đủ 10 pháp giới, 1 pháp giới lại đủ 10 pháp giới, nên thành 100 giới; 1 pháp giới có 30 loại thể gian, thành ra 100 pháp giới có 3.000 loại thể gian. Ba nghìn loại thể gian này ở ngay trong 1 tâm niệm, trừ trường hợp vô tâm, như lúc chết ngất chẳng hạn, còn ngoài ra hãy mong lên 1 ý niệm liền đầy đủ 3000 thể gian. Nhưng không phải nói 1 niệm ở trước, tất cả pháp ở sau; cũng không nói tất cả pháp ở trước, 1 niệm ở sau. Như vậy thì bất cứ 1 tâm niệm nào của chúng ta phát khởi trong ngày hay đêm, đều cũng thuộc về 1 pháp giới nào đó trong 10 pháp giới. Nếu như phát khởi tâm niệm giận dữ tương ứng với việc giết hại, thì đó là pháp giới địa ngục; nếu tương ứng với tham muốn thì là pháp giới ngã quỷ; nếu tương ứng với luật đạo đức nhân luân thì là pháp giới nhân gian; nếu tương ứng với chân như thì là pháp giới Phật. Cho nên, hễ 1 niệm tương ứng với pháp giới nào thì tâm ta thuộc về pháp giới ấy. Và lại, tâm 1 niệm này của chúng sinh tuyệt không cách lìa với tất cả pháp mà là dung hợp trong nhau, hòa nhập vào nhau. Vì tâm ấy chẳng phải cô lập, nên nó ở trong 1 pháp giới nào tức đầy đủ 10 pháp giới. Đồng thời, trong 10 pháp giới, mỗi giới lại đủ 10 giới, nên tổng cộng thành 100 pháp giới; 100 giới pháp này lại đầy đủ 10. Như thị (như thị tính, như thị tướng, như thị thể, như thị lực, như thị tác, như thị nhân, như thị duyên, như thị quả, như thị báo, như thị bản mặt cứu cánh...), tức thành 1.000 như thị; rồi lại phối hợp với 3 loại thể gian lần năm năm, chúng sinh và quốc độ thành ra 3.000 thể gian. Như vậy, trong 1 tâm niệm có đầy đủ 3.000 thể gian. Giáo nghĩa Nhất niệm tam thiên này bắt nguồn từ câu Tâm, Phật và chúng sinh, cả 3 không sai khác trong phẩm Dạ ma thiên cung tự tại của kinh Hoa nghiêm (bản dịch cũ). Người mới học căn cơ còn non nớt, không nên tu tập pháp quán quá cao, mà phải nên bắt đầu quán xét ngay từ tâm mình, lấy sự vật cụ thể làm đối tượng để quán xét. Vì thế nên tông Thiên thai lập ra pháp Nhất tâm tam quán để làm chìa khóa vào cửa cho người mới học. [X. Chỉ quán phụ hành truyền hoằng quyết Q.5, phần 3; Pháp hoa huyền nghĩa Q.2, thượng; Pháp hoa văn cú Q.2 thượng; Thập bát nhệ môn yếu sao Q.thượng]. (xt. Tam Thiên Chư Pháp, Sơn Gia Sơn Ngoại). (Từ điển Phật Quang)

[31] Chế ngự tư dục.

[32] (開士) Phạm: Bodhisattva. Dịch âm: Bồ đề tát đỏa. Cũng gọi Xiển sĩ. Từ tôn xưng các bậc cao đức, thông đạt. Khai là sáng suốt, chỉ cho người mở ra chính đạo để dắt dẫn chúng sinh, đặc biệt chỉ cho các vị Bồ tát. A tì đạt ma thức thân túc luận quyển 1 (Đại 26, 531 thượng) nói: Uy lực Khai sĩ tạng Như lai, mắt tuệ soi sáng khắp ba cõi. Thích thị yếu lâm quyển thượng (Đại 54, 260 hạ) nói: Trong các kinh, phần nhiều gọi Bồ tát là Khai sĩ. Vua Phù kiê đờ Tiễn Tần, ban danh hiệu Khai sĩ cho các bậc sa môn có đức hạnh và trí tuệ. [X. Huyền ứng âm nghĩa Q.4] (Từ điển Phật Quang)

[33] Trì Danh, Quán Tượng, Quán Tướng, Thập Tướng.

[34] Kinh Quán Vô Lượng Thọ.

[35] Duy tâm sở hiện Cittamatradrisya (skt)—Cái được nhìn thấy từ tâm. Trong Kinh Lăng Già, Đức Phật dạy: “Những ai bị ràng buộc vào ý niệm nhị biên, có đối tượng và chủ thể, sẽ không bao giờ hiểu được rằng chỉ có cái được nhìn thấy do từ tâm.”

[36] Vị giải thoát.

[37] (五時教) Cũng gọi Ngũ thời. Năm thời giáo. Tức là những kinh điển do đức Phật nói trong 45 năm được phân chia theo nội dung giáo nghĩa từ cạn đến sâu làm 5 giai đoạn, gọi là Ngũ thời giáo. Ở Trung quốc, việc truyền dịch kinh điển không theo thứ tự thời gian phát triển trước sau, mà chỉ y cứ vào 5 thời phân giáo này làm tiêu chuẩn. Có các thuyết về Ngũ thời giáo như sau: I. Ngũ thời giáo của tông Niết bàn. Ngài Tuệ quán thời Lưu Tống chủ trương giáo pháp có Đốn giáo và Tiệm giáo. Tiệm giáo lại chia làm 5 thời giáo: 1. Tam thừa biệt giáo, cũng gọi Hữu tướng giáo. Tức là giáo pháp được nói riêng cho mỗi thừa trong 3 thừa như nói pháp Tứ đế cho Thanh văn, Thập nhệ nhân duyên cho Duyên giác và Lục độ cho Bồ tát. 2. Tam thừa thông giáo, cũng gọi Vô tướng giáo. Tức là giáo pháp được nói chung cho cả 3 thừa, như kinh Bát nhã. 3. Ưc dương giáo, cũng gọi Bao biếm ước dương giáo. Tức là giáo pháp khen ngợi Bồ tát, chê trách Thanh văn, như các kinh Duy

ma, Tư ích... 4. Đồng qui giáo, cũng gọi Vạn thiện đồng qui giáo. Tức là giáo pháp xóa bỏ sự phân biệt 3 thừa mà đưa tất cả về 1 Phật thừa, như kinh Pháp hoa. 5. Thường trụ giáo, cũng gọi Song lâm thường trụ giáo. Tức giáo pháp chủ trương tính Phật là thường trụ, như kinh Niết bàn. Trên đây là thuyết pháp giáo đầu tiên của Trung quốc, lưu hành ở Giang nam, các vị Lưu cầu, Tăng nhu, Trí tạng, Pháp vân... đều theo thuyết này; các vị Tăng tông, Bảo lượng... còn đem 5 thời giáo này phối hợp với thí dụ 5 vị (nhũ, lạc, sinh tô, thực tô, đề hồ) nói trong kinh Niết bàn, đến ngài Thiên thai Trí Khải thì thuyết này được tập đại thành. Về sau, ngài Tuệ quang ở miền Bắc lập pháp giáo 4 tông cũng lấy 5 thời giáo này làm căn cứ. [X. Tam luận huyền nghĩa Q.thượng; Đại phẩm kinh du ý; Pháp hoa kinh huyền nghĩa Q.10, phần đầu; Pháp hoa huyền luận Q.3; Đại bát niết bàn kinh tập giải Q.35; Hoa nghiêm kinh sơ Q.1]. II. Ngũ thời giáo của Lưu cầu thời Nam Tề. Cư sĩ Lưu cầu cũng chủ trương giáo pháp có Đốn giáo và Tiệm giáo. Tiệm giáo lại chia làm 5 thời: 1. Thiên nhân giáo: Giáo pháp thế gian. 2. Hữu tướng giáo: Giáo pháp thừa nhận có sự sai biệt giữa những hiện tượng tồn tại, như các kinh A hàm... 3. Vô tướng giáo: Giáo pháp phủ định sự sai biệt giữa các hiện tượng tồn tại, như các kinh Bát nhã... 4. Đồng qui giáo: Như kinh Pháp hoa... 5. Thường trụ giáo: Như kinh Niết bàn... [X. Đại thừa nghĩa chương Q.1; Pháp hoa kinh huyền nghĩa Q.10, phần đầu; Đại thừa pháp uyển nghĩa lâm chương Q.1; Pháp hoa kinh huyền tán Q.1; Hoa nghiêm kinh sơ Q.1]. III. Ngũ thời giáo của ngài Trí Khải đời Tùy. Thuyết 5 thời này gồm: Hoa nghiêm, A hàm, Phương đẳng, Bát nhã và Pháp hoa Niết bàn. (xt. Ngũ Thời Bát Giáo). IV. Ngũ thời giáo của ngài Pháp bảo đời Đường. 1. Tiểu thừa giáo. 2. Bát nhã giáo. 3. Thâm mật giáo. 4. Pháp hoa giáo. 5. Niết bàn giáo. [X. Câu xá luận bảo sơ Q.1; Ngũ giáo chương thông lộ kí Q.50]. (Từ điển Phật Quang)

[38] (開權顯實) Phá trừ sự chấp trước vào quyền giáo phương tiện của Tam thừa để hiển bày nghĩa chân thực Nhất thừa. Đây là từ ngữ phản thích kinh Pháp hoa do tông Thiên thai lập ra. Khai nghĩa là khai trừ, khai phát, khai thác; khai trừ là trừ bỏ quyền chấp (chấp vào giáo pháp phương tiện tạm thời), Khai phát là do cơ duyên bên trong thuần thực mà lìa quyền chấp, khai thác là quyền tức thực mà mở rộng ý nghĩa về thể của nó. Giáo pháp do đức Phật thuyết giảng trước kinh Pháp hoa là giáo pháp phương tiện, nhằm thích ứng với những căn cơ chưa thuần thực, hầu dắt dẫn chúng sinh vào giáo pháp chân thực. Vì dùng phép phương tiện quyền giả (tạm thời) để hiển bày nghĩa chân thực, nên gọi là Khai quyền hiển thực. Tuy nhiên, quyền thực vốn chẳng khác nhau, nếu trừ bỏ được chấp trước này, thì quyền thực không hai, quay về với chân nghĩa Nhất Phật thừa. Trên đây là nói theo Hóa nghi Tích môn thuộc nửa bộ trước của kinh Pháp hoa. Mà Khai tích hiển bản thuộc Hóa nghi Bản môn của nửa bộ sau cũng gọi là Khai quyền hiển thực tức phá trừ chấp trước vào quyền giáo Tích môn, để hiển bày thực nghĩa Bản môn. Nếu nói theo trọn bộ kinh Pháp hoa, thì 14 phẩm trước là Khai tam hiển nhất, 14 phẩm sau là Khai cận hiển viễn, tức là nửa bộ trước trừ bỏ giáo pháp Tam thừa phương tiện, để hiển bày giáo pháp Nhất thừa chân thực; còn nửa bộ sau là trừ bỏ Cận Phật thù tịch (Phật mới thành), mà hiển bày Chân Phật bản địa (Phật đã thành từ lâu xa). Như vậy, tất cả 28 phẩm kinh Pháp hoa đều qui về Khai quyền hiển thực. Lại nữa, Khai tam hiển nhất là nói theo người, căn cơ, trái lại, Khai quyền hiển thực là nhằm giải thích lí, giáo. [X. Pháp hoa kinh huyền nghĩa Q.5 thượng; Pháp hoa văn cú kí Q.8 phần 3; Thiên thai tứ giáo nghi tập chú Q.thượng; Pháp hoa huyền luận Q.3, Q.5]. (xt. Bản Tích Nhị Môn, Khai Tam Hiển Nhất, Khai Cận Hiển Viễn). (Từ điển Phật Quang)

[39] Đã chú giải trong Phần I.

[40] Chân Như. Tên khác của Pháp thân Phật (Dharmakaya)

[41] Tô Đông Pha, Tăng Lỗ Công, Trần Trung Tú, Vương Thập Bằng.

[42] Ngu Thuần Hy.

[43] (蓮池大師), tức Vân Thê Châu Hoảng (雲棲株宏, 1535-1615), tự là Phật Tuệ (佛慧), hiệu Liên Trì (蓮池); từng sống tại Vân Thê Tự (雲棲寺) thuộc Ngũ Vân Sơn (五雲山), Hàng Châu (杭州), Tỉnh Triết Giang (浙江省); xuất thân Phủ Nhân Hòa (仁和府), Hàng Châu, họ là Thảm (沈).

[44] 1. Thiên nhãn thông, 2. Thiên nhĩ thông, 3. Túc mạng thông, 4. Tha tâm thông, 5. Thần túc thông.

[45] Năng lực thần thông do khi đã trừ sạch mọi phiền não (āsrava-kṣaya-vijñāna), một trong Lục thần thông 六神通.

[46] Câu chuyện một người dân quê thấy những cây mạ trên ruộng mình chưa lớn liền dùng tay kéo từng cây dài ra. Kết quả tất cả ruộng mạ mới gieo đều héo khô.

[47] Năm thứ tướng suy của người cõi trời sắp chết: 1. Bông trên đầu héo tàn; 2. Quần áo nhơ bẩn; 3. Thân thể hôi thúi; 4. Nách ra mồ hôi; 5. Không ưa tòa ngồi.

[48] Kinh Pháp Hoa, phẩm Thí Dụ.

[49] Kinh A Di Đà và lời nguyện của Phật A Di Đà.

LỜI VÀNG
ÁN QUANG ĐẠI SƯ GIA NGÔN LỤC
Từ Hoa Nhất Tuệ Tâm
Phiên dịch & thi kệ toát yếu 2015

Án Quang Gia Ngôn Lục - Phần II

CHƯƠNG III
Luận về sinh tử trọng đại

Sinh mạng vô thường

Vạn vật trong mỗi sát na hiện tướng lười rộng dài thuyết pháp

Mạng mạng vô thường hướng chi phú quý vinh hoa

Việc tử sinh phải được chuẩn bị lâu xa

Tu sửa thân tâm khi tuổi còn thơ dại

Nghiệp lực chông chất từng ngày qua tháng lại

Cán cân đời chưa biết ngã về đâu

Có kẻ lúc lâm chung thân xác đón đau

Tâm thần tán loạn biết nơi nào nương dựa

Người xưa nói,

“Kẻ thông minh không thể dùng thông minh thắng nghiệp

Người giàu sang chẳng tránh khỏi chuyển luân” [1]

Nên biết kính tin vào Phật lực đã trải ân

Như mưa pháp thấm nhuần trong ba cõi

Người không kính tin phải đành lạc lối

Người kính tin nhưng ngày có, ngày không

Tín-Hạnh-Nguyện không khắc cốt ghi tâm

Thì chẳng khác kẻ không tin kia vậy.

Lại có kẻ cầu vãng sinh nhưng sợ một mai phải chết

Cầu thì cầu những chưa muốn xả bỏ thân

Không như người:

“Sáng nghe đạo, chiều chết cũng cam tâm”[2]
Tâm tham luyến lại trở thành chướng ngại

Hãy tùy nghiệp xưa như thuyền theo mái đây

Tránh tạo nghiệp kiếp này, lánh dữ làm lành

Nếu thọ mạng kéo dài cả đến trăm năm

Hoặc kết thúc ngày mai, đều chẳng bận

Nghiệp trả cội phàm, đài sen chín phẩm

Phật thọ ký một đời viên mãn đạo tâm.

Khuyên chuyên cày vào Phật lực

Ấn Quang tôi du hóa từ nam bắc đến tây đông

Duyên đưa đây cùng muôn người qua lại

Gặp gỡ nhiều kẻ xung tình thông tông phái

Khinh thường Tịnh tông như tà mị giáo môn

Lúc lâm chung thân run rẩy, miệng cuống cuống

Kẻ thì kêu khóc, gào cha gọi mẹ

Quang tôi cũng gặp những người lạng lẽ

Niệm Phật danh lúc sắp bỏ xác thân

Dù hạnh nguyện chưa đến được chỗ tận cùng

Tướng lành không hiện nhưng an nhiên quá vãng.

Bởi vì sao?

Tâm như nước hồ sóng yên gió lặng

Niệm Phật danh vọng thức chẳng trào dâng

Không giống như người chơi với giữa sóng thần

Thiếu định tuệ mặc phong ba cuồng nộ.

Có kẻ ngu cho rằng Lăng Nghiêm phá trừ Tịnh độ

Người tinh thông biết kinh pháp tương đồng

Buổi mặt thời mây ai chứng được viên thông

Riêng pháp niệm Phật như con thơ gọi mẹ

Tịnh niệm liên tục thì nhập tam-ma-địa[3]

Dụng công tu hành vì muốn vượt tử sanh

Nếu đã dụng công mà công chẳng thể thành

Nên tự hỏi đã đúng cơ, đúng pháp?

Tất cả pháp môn đều phải đoạn hai thứ Hoặc

Kiến Hoặc trừ, chứng sơ quả [4], vẫn tử sinh

Bảy lần sinh cõi trời, bảy lần vào cõi thế tình

Mới có thể phá tan dòng Tư Hoặc

Tư Hoặc đoạn trừ, chứng liên tứ quả[5]

Nếu vì người lại phát khởi đại bi tâm

Vào luân hồi hóa độ khắp thế nhân
Tâm rộng lớn, tự tồn và tự lực.
Khác với phàm phu mê tâm chưa dứt
Bất chước tiền nhân muốn vào chợ độ người
Có biết đâu là bậc Đại Sĩ Pháp Thân[6]
Chỉ thấy thân tướng, biết được đâu tâm tướng.
Đường tu tập như trèo sào trăm thước [7]
Thánh nhân sơ quả 14 lượt khó khăn
Huống chi phàm phu nghiệp lực đa đoan
Mà từ chối không nương vào Phật lực.
Trở lại chuyện nhỏ như y trang, ẩm thực
Hàng xuất gia từ tăng lữ đến ni sinh
Hàng tại gia cư sĩ giữa thế tình

Ai là kẻ tự sinh và tự sống?

Nếu không phải là cha mẹ chăm lo dưỡng dục
Khi lớn lên thầy tổ dạy xuất gia
Vội vàng lấy câu tự lực, độ tha
Chẳng lượng sức hóa ra người ngã mạn.

Đó là chuyện nhỏ như cơm ăn, áo mặc

Việc lớn như lập đức đến lập ngôn

Sự nghiệp lưu truyền, vì nước lập công
Tất cả việc đều cùng chung thiên hạ.

Không một việc nào chỉ mình ta gây tạo

Không một điều gì chẳng nhờ kẻ lạ hoặc người thân

Sao lại muốn tỏ ra phong cách phi thường
Lập chí lớn, hỏi đức tài có lớn?

Nên phải biết,

Thiên Thai Trí Giả[8], chẳng thể suy lường bản địa[9]
Nhưng hiện thân chưa đoạn Kiến Hoặc chứng chân
Ngũ Phẩm Đệ Tử [10] là quả vị lúc lâm chung
Dù chỗ ngộ của đại sư đồng chư Phật
Bởi quên mình, lo hậu sinh chỉ chuộng mình tâm kiến tánh[11]
Thường khuyên người chớ bỏ nguyện vãng sinh
Kiến tánh là đại triệt, đại ngộ, tức tâm mình
Là bậc thượng thượng căn, khi ngộ là khi chứng.

Bằng không,

Như Viên Trạch vẫn tái sanh khi duyên đến

1970. Ngũ Tổ Giới lại sinh làm quan thứ sử họ Tô

Thảo Đường Thanh là thân của Lỗ Công
Hải Ấn Tín là con gái Châu Phòng Ngự

Tần Cối từng là tăng nhân trong núi Nhạn.

Nên biết rằng,

Giáo pháp Như Lai khi thuyết sâu, khi thuyết cạn
Nhưng không một pháp nào tương tự Tịnh tông
Khiến kẻ còn đây đây Hoặc Nghiệp, trầm luân
Lại có thể thoát ngoài vòng sinh diệt
Đời nghiệp vắng sinh nương vào Phật lực
Ngày một tiến tu chứng được vô sanh
Bất thoái Bồ tát, Phật đạo viên thành
Riêng tự lực há dễ làm nên đại sự.
Muốn thoát tử sinh phải từ thực chứng
Nếu không thường tự quán chiếu Bản Tâm
Công phu càng cao nhân ngã càng tăng
Phàm tình khởi vì nặng mang Kiến Hoặc
Dù đại ngộ đã đồng như chư Phật
Kiến Tư Hoặc chưa trừ thì phải gìn giữ chân tâm

Kéo lúc ngộ, lúc mê, uống phí bao công

Phàm tình dứt, cắt ngang vòng sinh diệt
Ví như người què đi đường xa, sức kiệt
Nếu được ngồi luân bảo của thánh vương
Trong chớp mắt qua lại bốn đại châu[12]
Bởi nương đức Chuyển Luân Vương[13] mà được đó
Người què ví cho người từng gây nghiệp khổ
Thập ác[14], ngũ nghịch[15], tội lỗi nặng nề
Lúc lâm chung tướng địa ngục hiện về
Nếu biết chí tâm niệm Phật, Phật liền tiếp dẫn.
Phật thương chúng sinh như con thơ lâm lặn
Đưa hiền hòa thì dưỡng dục, chỉ đường

Đưa cang cường, phiêu bạc lại càng thương

2002. Hằng kêu gọi con ơi mau quay lại!.

(Hết phần II, xin xem phần III và các chương kế tiếp.)

[1] Thông minh bất năng địch nghiệp. Phú quý khởi miễn luân hồi.

[2] Triều văn đạo, tịch tử khả hỹ.

[3] Định, Tam muội.

[4] Quả vị đầu trong Thập Tín của Viên giáo

[5] Quả vị thứ 7 trong Thập Tín của Viên giáo.

[6] (大士) I. Đại sĩ. Phạm: Mahāpuruwa, Pāli: Mahāpurisa. Một trong những tiếng tôn xưng đức Phật, đồng nghĩa với Vô thượng sĩ, hàm ý là bậc sĩ phu hơn hết. Kinh Tạp a hàm quyển 48 chép, từng

có tám vị thiên thần khen ngợi sa môn Cù đàm, trong đó, vị Thiên tử thứ hai khen rằng (Đại 2, 355 trung): Đại sĩ là rồng lớn, Đại sĩ là ngưu vương, Đại sĩ phu là người có sức mạnh, Đại sĩ phu là con ngựa hay, Đại sĩ phu là bậc đứng đầu, Đại sĩ phu là người hơn hết. [X. Vô lượng thọ Như lai hội Q.thượng]. II. Đại sĩ. Phạm:Mahāsattva. Tiếng tôn xưng Bồ tát. Dịch âm: Ma ha tát đỏa, cũng gọi Ma ha tát, cùng nghĩa với Bồ tát. Trong kinh thường nói liền: Bồ tát ma ha tát. Vì Bồ tát là bậc có đại hạnh, đại nguyện cứu độ chúng sinh nên gọi là Ma ha tát đỏa. Thông thường, khi Ma ha tát đỏa được dịch thành Đại sĩ thì Bồ tát phần nhiều được dịch thành Khai sĩ, nhưng đều chỉ cho Bồ tát cả. [X. kinh Độ thế phẩm Q.4; Pháp hoa văn cú Q.2; Thích thị yếu lâm Q.thượng Xưng vị điều]. (xt. Bồ Tát).

[7] Bách Xích Can Tụng.

Xin trưng dẫn bài kệ của Hòa Thượng Tuyên Hóa ngày 5 tháng 9, 1970

Tu đạo như đăng bách xích can,

Hạ lai dong dịch thượng khứ nan.

Nhược năng can đầu cánh tiến bộ,

Thập phương pháp giới nhậm vãng hoàn

Từ Hoa Nhất Tuệ Tâm phiên dịch:

Bài tụng cây sào trăm trượng

Tu đạo như trèo trăm trượng sào

Xuống thì quá dễ, khó lên cao

Đến được đầu sào thêm tiến bộ

Mười phương pháp giới mặc ra vào.

[8] (天臺大師) Biệt hiệu của đại sư Trí giả, người Hoa dung, Kinh châu (nay là huyện Hoa dung, tỉnh Hồ nam), họ Trần, tự Đức an, tên là Trí khai. Năm 18 tuổi, sư xuất gia ở chùa Quả nguyện tại Tương châu. Sau, sư đến núi Đại tô ở Quang châu theo ngài Tuệ tư tu tập 4 hạnh an lạc. Ở Kim lăng, sư lần lượt giảng kinh Pháp hoa, luận Đại trí độ và xiển dương Thiền pháp. Năm Thái kiến thứ 7 (575), sư đến núi Thiên thai, tăng tục theo về rất đông. Năm Khai hoàng 11 (591), sư truyền giới Bồ tát cho Tần vương Quảng (tức vua Tùy Dạng đế sau này) ở Dương châu, vương ban cho sư hiệu Trí Giả. Tháng 11 năm Khai hoàng 17 (597), sư thị tịch, thọ 60 tuổi, người đời gọi sư là Thiên thai Đại sư. Một đời sư xây dựng 36 ngôi chùa, viết được 15 tạng kinh, tạo 10 vạn tôn tượng (có thuyết nói 80 vạn tôn), độ trên 1000 vị tăng, 32 vị học sĩ được truyền nghiệp. Trong số đệ tử của sư, các ngài Quán đỉnh, Trí việt, Trí táo... là nổi tiếng hơn cả. Sư để lại các tác phẩm: -Diệu pháp liên hoa kinh huyền nghĩa, 20 quyển. -Diệu pháp liên hoa kinh văn cú, 20 quyển. -Duy ma kinh lược sớ, 10 quyển. -Kim quang minh kinh văn cú, 6 quyển. -Nhân vương hộ quốc bát nhã kinh sớ, 5 quyển. -Bồ tát giới nghĩa sớ, 2 quyển. -Ma ha chỉ quán, 10 quyển. (Từ điển Phật Quang)

[9] (本地) Chỉ thực tướng Pháp thân của Phật Bồ tát. Tức đối với Hóa thân sở hiện mà gọi Bản thân năng hiện là Bản địa. Bản, là căn bản; địa, là nghĩa sở y (chỗ nương tựa); ý nói thực tướng Pháp

thân là gốc của vạn hóa, cũng như đất là chỗ nương tựa của muôn vật, vì thế gọi là bản địa. [X. Pháp hoa văn cú Q.9]. (Từ điển Phật Quang)

[10] (五品弟子位) Ngũ phẩm đệ tử vị. Chỉ cho giai vị Ngoại phạm trước Thập tín, là hành vị thứ nhất trong 8 hành vị của Viên giáo do tông Thiên thai lập, tương đương với vị Quán hành tức trong Lục tức vị. Vì giai vị này chia ra 5 phẩm và chuyên tâm vào sự tu hành thực tiễn của chính mình, nên gọi là Ngũ phẩm đệ tử vị. Năm phẩm là: 1. Tùy hỷ phẩm: Nghe pháp thực tướng viên dung vi diệu mà trong lòng tin hiểu vui mừng, nên bên trong dùng 3 quán để quán xét cảnh của 3 đế, bên ngoài thì dùng 5 hồi mà siêng năng tinh tiến sám hối, khuyến thỉnh, tùy hỷ, phát nguyện và hồi hướng. 2. Đọc tụng phẩm: Sau khi tin hiểu thì đọc tụng và thuyết giảng kinh pháp mẫu nhiệm sâu xa. 3. Thuyết pháp phẩm: Thuyết pháp để dẫn dắt người khác, cũng lại nhờ công đức ấy mà quán xét tâm mình để tiến tu. 4. Kiêm hành lục độ phẩm: Ngoài việc quán xét tâm còn tu thêm 6 pháp: Bố thí, giữ giới, nhịn nhục, tinh tiến, thiền định và trí tuệ. 5. Chính hành lục độ phẩm: Khi công phu quán xét tâm đã tiến triển thì thực hành hạnh hóa tha, lý sự đầy đủ và đến đây thì lấy việc thực hành 6 độ làm chính yếu. Ngũ phẩm đệ tử vị có xuất xứ từ phẩm Phân biệt công đức trong kinh Pháp hoa, còn trong Pháp hoa kinh huyền nghĩa quyển 5, phần đầu, thì Ngũ phẩm đệ tử vị được so sánh với Ngũ đình tâm vị của Tam tạng giáo. Ngoài ra, Pháp hoa văn cú kí quyển 27 đem Ngũ phẩm đệ tử vị phối hợp với Tam tuệ vị, trong đó, Tùy hỷ, Đọc tụng và Thuyết pháp phối với Văn tuệ vị, Kiêm hành lục độ phối với Tư tuệ vị, còn Chính hành lục độ thì phối với Tu tuệ vị. Theo truyền thuyết, Đại sư Trí Khải tông Thiên thai từng tự xưng mình là Ngũ phẩm đệ tử vị. [X. Thiên thai tứ giáo nghi; Thiên thai tứ giáo nghi tập chú Q.hạ; Phật tổ thống kỉ Q.6]. (xt. Lục Tức). (Từ điển Phật Quang)

[11] (冥心) Tâm thầm khế hợp với Như lai tạng thanh tịnh sẵn có. Thiền giới thiên ghi: Mười giới, 3 tụ không phân biệt thể tài, đều trở về nơi Tam bảo như đã thệ nguyện. Khi chân thật trở về rồi, thì thầm hợp với nguồn tâm (minh tâm), giới tâm không đâu khác, chỉ là con người ấy thầm hợp nguồn tâm (minh tâm) thôi, tất cả đều bình đẳng. Kiến tánh là thấy Phật tánh rõ ràng trong mỗi chúng sinh.

[12] Bốn lục địa tạo nên thế giới mà con người, muôn thú sinh sống. Đó là: 1. Nam thiên bộ châu; 2. Đông thắng thân châu; 3. Tây ngưu hoá châu; 4. Bắc Câu-lưu châu. Bốn châu này bao quanh núi Tu-di, được bao bọc quanh bởi vô số biển và nhiều dãy núi.

[13] (轉輪聖王) Phạm: Cakra-vartī-rājan, Pāli: Raja cakkavattin. Dịch âm là Chuyển cu la phạt lạt đề át la xà, Già ca la bạt đế, Già gia việt. Dịch ý là Chuyển luân vương, Chuyển luân thánh đế, Phi hành hoàng đế. Nghĩa là ông vua quay chuyển bánh xe báu (tương đương với chiến xa). Vua có bảy thứ quý báu (bánh xe, voi, ngựa, ngọc, nữ, cư sĩ, bề tôi chủ binh), đầy đủ bốn đức (sống lâu, không đau ốm, dung mạo hồng hào, kho báu phong phú), thống nhất bốn châu Tu di, dùng chính pháp trị đời, đất nước giàu có, nhân dân hòa vui. Thuyết Chuyển luân thánh vương xuất hiện và thịnh hành ở thời đại đức Thích tôn, trong các kinh luận, có rất nhiều chỗ đem đức Phật so sánh với vị vua này.

Kinh Tạp a hàm quyển 27, luận Đại trí độ quyển 25, đem bảy thứ quý báu và sự hóa trị của Chuyển luân thánh vương nêu ra song song với bảy giác chi của Phật. Hoặc gọi sự thuyết pháp của đức Phật là Chuyển pháp luân (quay bánh xe pháp) sánh với sự quay bánh xe báu của Chuyển luân thánh vương. Lại luận Đại tì bà sa bảo bánh xe báu của Chuyển luân thánh vương có bốn thứ là vàng, bạc, đồng, sắt, đều có luân vương. Kinh Nhân vương bát nhã quyển thượng phẩm Bồ tát giáo hóa, kinh Bồ tát anh lạc bản nghiệp quyển thượng phẩm Hiền thánh học quán, căn cứ theo các loại bánh xe trên đây mà phối với hành vị Bồ tát, lấy Luân vương sắt làm ngôi Thập tín, Luân vương đồng làm ngôi Thập trụ, Luân vương bạc làm ngôi Thập hành, Luân vương vàng làm ngôi Thập hồi hướng. Pháp uyển châu lâm quyển 43, nêu Luân vương có Quân luân vương, Tài (của cải) luân vương và Pháp luân vương. A dục vương là Quân (việc binh) luân vương, bốn luân vương từ vàng đến sắt là Tài luân vương, còn Như lai là Pháp luân vương. Xét về Chuyển luân thánh vương thì phần nhiều đã xuất hiện ở thời thái cổ, các kinh luận có đề cập đến rất nhiều tên, Đỉnh sinh vương, Đại thiện kiến vương, Dân chủ thiện tư vương v.v... đều là những vua thực sự đã ra đời tại Ấn độ vào thời thái cổ. Ngoài ra, Trường a hàm quyển 6 kinh Chuyển luân thánh vương tu hành chép, trong vị

lai, khi Phật Di lặc ra đời, sẽ có Như Lai Chuyển luân thánh vương xuất hiện. Kinh Bi hoa quyển 3 phẩm Đại thí chép, trong kiếp San đề lam giới thiện tri, có vô lượng Tịnh chuyển luân thánh vương ra đời. Kinh Như Lai trí ấn chép, khi đức Phật Nguyệt kế ra đời thì có Tuệ khởi chuyển luân thánh vương xuất hiện. Lại luận Câu xá quyển 12 chép, khi Chuyển luân thánh vương ra đời thì người ta thọ vô lượng tuổi đến tám vạn tuổi. Nhưng Pháp hoa kinh huyền nghĩa quyển 4 thì nói, khi Luân vương vàng ra đời thì người ta nhất định thọ tám vạn tuổi, còn Luân vương bạc cho đến Luân vương sắt thì không nhất định, như khi A dục vương là Luân vương sắt ra đời thì người ta thọ một trăm tuổi. [X. kinh Tạp a hàm Q.15 - Trung a hàm Q.11 kinh Tứ châu, Q.41 kinh Phạm ma - Trường a hàm Q.15 kinh Cửu la đàn đầu, Q.18 phẩm Chuyển luân thánh vương - kinh Đại bảo tích Q.59, Q.75, Q.76 - kinh Hiền ngu Q.8, Q.13 - luận Đại tì bà sa Q.30, Q.150, Q.183 - luận Đại trí độ Q.4, Q.24, Q.82 - Đại đường tây vực kí Q.1]. (Từ điển Phật Quang)

[14] (s: dasākuśala-karma-pathāni, 十惡): còn gọi là Thập Ác Nghiệp Đạo (十惡業道), Thập Bất Thiện Nghiệp Đạo (十不善業道), Thập Bất Thiện Căn Bản Nghiệp Đạo (十不善根本業道), Thập Hắc Nghiệp Đạo (十黑業道); là 10 hành vi ác, không tốt của ba nghiệp thân, miệng và ý; gồm:

- (1) Sát sanh;
- (2) Trộm cắp;
- (3) Tà dâm;
- (4) Nói dối;
- (5) Nói hai lưỡi, tức nói lời ly gián;
- (6) Nói thô ác, tức mắng nhiếc thậm tệ, nói lời ác độc;
- (7) Nói lời thêu dệt;
- (8) Tham dục;
- (9) Sân si;
- (10) Tà kiến.

[15] (五逆) Cũng gọi Ngũ nghịch tội. Chỉ cho 5 cái tội cực ác trái với đạo lý. Cứ theo thuyết của Tiểu thừa thì 5 tội nghịch là: 1. Hại mẹ, cũng gọi giết mẹ. (Phạm: Mātṛ-ghāta). 2. Hại cha, cũng gọi giết cha (Phạm: Pitṛghāta). 3. Hại A la hán, cũng gọi giết A la hán (Phạm: Arhad-ghāta). 4. Ác tâm làm thân Phật ra máu, cũng gọi làm thân Phật ra máu (Phạm: Tathāgatasyāntike duwīa-cittarudhiropādāna). 5. Phá tăng, cũng gọi Phá hòa hợp tăng, Đấu loạn chúng tăng (Phạm: Saṅghabheda). Trong 5 tội trên đây, 2 tội trước là bỏ ruộng ân nghĩa, 3 tội sau là hủy hoại ruộng đức, vì thế gọi là Năm tội nghịch, Năm tội nặng. Vì hành vi của 5 tội là nguyên nhân làm cho người vi phạm phải rơi vào địa ngục Vô gián nên cũng gọi là Năm nghiệp Vô gián (Phạm: Pañca anantarya-karmāṇi), gọi tắt là Năm vô gián hoặc 5 tội không cứu được. Ba tội trước là tội cố ý giết hại cha, mẹ và A la hán. Còn tội Phá hòa hợp tăng thì chia làm 2: a) Phá yết ma tăng: Li khai giáo đoàn mà mình vốn là 1 thành viên để thành lập giáo đoàn mới thực hành các việc bố tát, yết ma riêng rẽ. b) Phá pháp luân tăng: Tôn thờ thầy khác, lập học thuyết khác, tổ chức giáo đoàn riêng. Ngoài ra, theo luận Câu xá quyển 18, thì Ngũ vô gián đồng loại nghiệp (Phạm: Pañca Upānantarīyāṇi), cũng gọi Cận ngũ vô gián, Ngũ vô gián đồng phạm, Cận ngũ nghịch, Loại tự ngũ nghịch, là 5 tội cùng loại với 5 nghiệp Vô gián nói trên. Tức là: 1. Ô nhiễm ni A la hán (Phạm: Mātṛ arhantya dūwajam). 2. Giết bỏ tát Trụ định địa (Phạm: Niyatabhūmisthitasya bodhisattvasya mārājam). 3. Giết bậc thánh Hữu học (Phạm: Zaikwsasya mārājam). 4. Phá hòa hợp tăng (Phạm: Saṅghāyadvāraharam). 5. Phá hoại tháp (Phạm: Stūpabhedanam). Kinh Đại bát già ni kiền từ sở thuyết quyển 4 thì nêu 5 tội nặng là: 1. Phá hoại chùa tháp, thiêu hủy kinh tượng, chiếm đoạt tài sản của Tam bảo, hoặc sai bảo người khác làm các việc ấy. 2. Chê bai Thanh văn, Duyên giác và pháp Đại thừa. 3. Cản trở người tu hành hoặc giết hại người xuất gia. 4. Vi phạm 1 trong 5 tội nghịch của Tiểu thừa. 5. Chủ trương không có nghiệp báo, thực hành 10 nghiệp bất thiện; hoặc không sợ quả báo đời sau, khuyến khích

người khác làm 10 điều ác. Trong Kim quang minh tối thắng vương kinh số quyển 5, ngài Tuệ chiểu hợp tội giết cha và giết mẹ trong 5 tội nghịch của Tiểu thừa làm 1 và thêm tội phỉ báng Phật pháp mà lập thành 5 tội nghịch chung cho cả 3 thừa.[X. kinh Tăng nhất a hàm Q.47; kinh Kim quang minh tối thắng vương Q.3; kinh Đại tập địa tạng thập luân Q.3; luật Tứ phần Q.46; luật Thập tụng Q.36; luận Câu xá Q.17; luận Thuận chính lý Q.43; Du già luận kí Q.3, thượng, Q.5; Du già sư địa luận lược toàn Q.4; Câu xá luận quang kí Q.18]. (Tứ điển Phật Quang)